

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**
Số: 233/CBTT-SHP-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
- Mã chứng khoán: SHP
- Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 3820.7795
- Fax: 028 3820.7794
- Email: thuydienmiennam@shp.vn
2. Nội dung thông tin công bố: CBTT Báo cáo thường niên năm 2021.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/04/2022 tại đường dẫn www.shp.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Đính kèm:
Báo cáo thường niên năm 2021.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**
**THỦY ĐIỆN
MIỀN NAM**
Nguyễn Thành Tú Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

www.shp.vn



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	09
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	24
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	46
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	60
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	66
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 2021	84



PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
Tên viết bằng tiếng Anh	SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	SHP JSC
Mã cổ phiếu	SHP
Vốn điều lệ	1.012.063.520.000 đồng
Trụ sở chính	Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/12/2020
Điện thoại	(028) 3820 7795
Fax	(028) 3820 7794
Email	thuydienmiennam@shp.vn
Website	www.shp.vn





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670, chính thức đi vào hoạt động.

Công ty đã chuyển đổi trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Số 93B Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 01/2010: Nhà máy Đa Siat công suất 13,5 MW đi vào vận hành phát điện.
Tháng 09/2010, Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán SHP.

Tháng 10/2010: Nhà máy Đa Dâng 2 công suất 34 MW đi vào vận hành phát điện.

Nhà máy Đa M'brì công suất 75MW đi vào vận hành phát điện. Bên cạnh đó, Nhà máy Đa Dâng 2 được cấp chứng chỉ CERs. Sản lượng phát điện đạt mốc 1 tỷ kWh điện. Cổ phiếu của Công ty chuyển sang niêm yết trên Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8.

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/05/2018.

2004

2006

2008

2009

2010

2012

2014

2015

2016

2017

2018

2020

Công ty thông qua kế hoạch đầu tư dự Thủy điện Đa M'brì. Đồng thời, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 687.000.000.000 đồng.

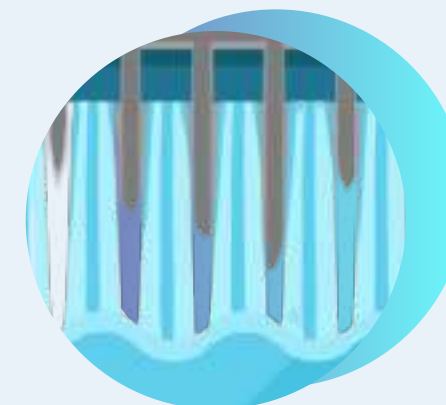
Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 937.102.000.000 đồng để phục vụ cho việc đầu tư vào dự án Thủy điện Đa M'brì.

Công ty đã thực hiện phát hành ra công chứng nhằm tăng vốn điều lệ.

Nhà máy Thủy điện Đa M'brì chính thức có tên trong danh sách các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

Ba nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M'brì đạt kỷ lục về sản lượng điện sản xuất được. Tổng sản lượng điện sản xuất cả ba nhà máy đạt 708,36 triệu kWh.

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/2020.





NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện.
- Kiểm định thiết bị điện.
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Đào tạo nghề.
- Sửa chữa thiết bị điện.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tên nhà máy	Đa Siat	Đa Dâng 2	Đa M'brì
Ngày khởi công	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2008
Ngày phát điện	Năm 2010	Năm 2010	Năm 2014
Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	339	498	2.418
Số tổ máy (tổ)	2	2	2
Tổng công suất (MW)	13,5	34	75
Sản lượng thiết kế (triệu KWh)	60	152,11	338,2

Địa chỉ

Tại thôn 3, xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Nằm trên địa bàn xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam có 3 nhà máy thủy điện đang hoạt động. Các nhà máy thủy điện của SHP đều đặt tại thượng nguồn sông Đồng Nai thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết tại Lâm Đồng có sự phân biệt giữa mùa mưa và mùa khô rõ rệt: Mùa mưa kéo dài 6 tháng (từ tháng 5 tới tháng 11 hằng năm) và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Khu vực này có lượng mưa cao và tương đối ổn định. Cả 3 nhà máy đều nằm gần thượng nguồn các dòng sông/suối, tạo nguồn nước lớn đảm bảo cho các nhà máy hoạt động.

NMTĐ Đa Siat

Công trình Thủy điện Đa Siat được xây dựng trên dòng chính suối Đa Siat, một nhánh bờ trái sông Đồng Nai, Cửa suối Đa Siat ở hạ lưu công trình Thủy điện Đồng Nai 3 & 4 và thượng lưu công trình Thủy điện Đồng Nai 5. Thủy điện Đa Siat được khởi công xây dựng từ tháng 6 năm 2005 có công suất lắp đặt 13,5MW với 2 tổ máy (2x6,75MW) Sản lượng điện khoảng 60 triệu kWh/năm. Nhà máy bán điện thông qua đường dây 22kV 2 mạch dài 22km được đấu vào thanh cái 22kV tại trạm 110/22KV Đăk Nông. Sau hơn 10 năm vận hành, sản lượng điện sản xuất thực tế của nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

NMTĐ Đa Dâng

Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng có đập dâng đặt tại vị trí cách cửa sông khoảng 4 km theo đường sông. Kênh dẫn nước đến nhà máy thủy điện đặt ở bờ trái sông Đa Dâng tại khu vực ngã ba cửa sông Đa Dâng đổ vào sông Đồng Nai. Thủy điện Đa Dâng 2 được khởi công xây dựng từ đầu năm 2008, có công suất lắp máy 34 MW với 2 tổ máy (2x17MW), đấu nối bán điện qua đường dây 110kV mạch kép dài 7,7km, sản lượng điện 152,11 triệu Kwh/năm. Tương tự nhà máy Đa Siat, sau hơn 10 năm vận hành, sản lượng điện sản xuất thực tế của nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

NMTĐ Đa M'brì

Nhà máy Thủy điện Đa M'brì được xây dựng trên dòng chính suối Đa M'brì nằm trên địa bàn của 3 xã là xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng. Suối Đa M'Brì là một trong hai nhánh chính của sông Đa Huoai một phụ lưu trái của Sông Đồng Nai. Đây là nhà máy có thủy điện hồ chứa điều tiết theo năm, đường hầm áp lực đường kính khoảng 4m, tổng chiều dài là 8,3 km. Trong ba dự án thủy điện do Công ty CP thủy điện miền Nam đầu tư thì đây là dự án thủy điện có công suất lớn nhất. Thủy điện Đa M'brì đấu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây mạch kép 110kV, công suất 75 MW với sản lượng 338,2 triệu Kwh/năm.

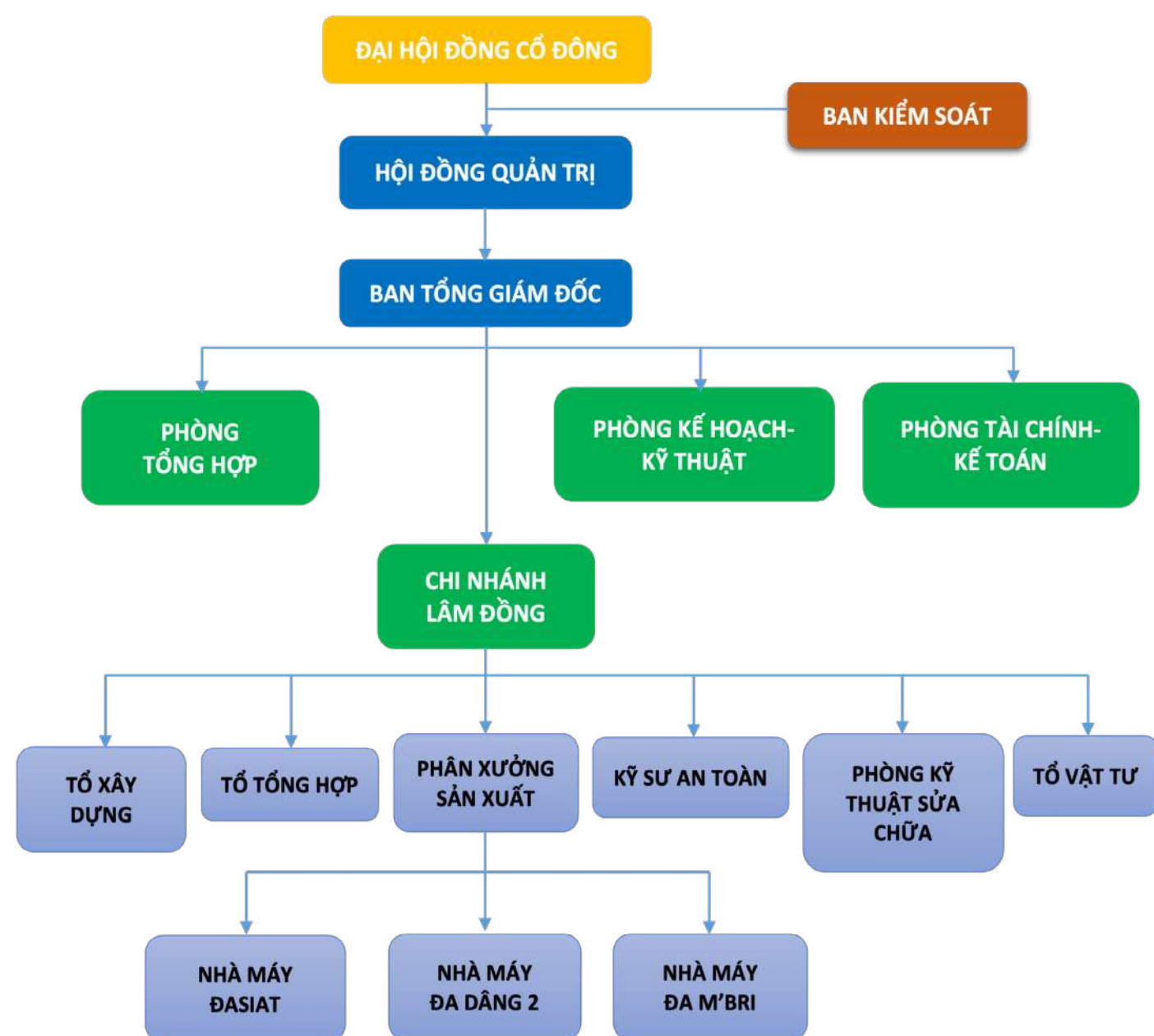




SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam có cơ cấu tổ chức gồm 01 Trụ sở chính đặt tại Tp. Hồ Chí Minh, 01 chi nhánh tại Lâm Đồng; 03 Nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2, và Đa M'brì được xây dựng tại Lâm Đồng. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.



BỘ MÁY QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty

Tên nhà máy	Đa Siat	Đa Dâng 2	Đa M'brì
Ngày khởi công	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2008
Ngày phát điện	Năm 2010	Năm 2010	Năm 2014
Địa chỉ	Tại thôn 3, xã Bảo Lộc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	Tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	Nằm trên địa bàn xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đa Tịch tỉnh Lâm Đồng.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông.
- Quản lý vận hành hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các nhà máy Đa M'brì, Đa Siat và Đa Dâng 2.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo nhà máy điện hoạt động tin cậy, an toàn.
- Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao.



Chiến lược trung và dài hạn

- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị sản xuất, kinh doanh điện đóng vai trò quan trọng trong hệ thống lưới điện quốc gia và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ ảnh hưởng của thiên tai, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Đưa ra chiến lược phù hợp để nâng cao vị thế trên thị bán buôn điện, đảm bảo cung cấp điện ổn định, đầy đủ với mức giá cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để đổi mới, cải tiến trong mọi lĩnh vực hoạt động, đặc biệt về quy trình quản lý và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả phát điện, độ an toàn, tin cậy. Duy trì sản lượng điện theo kế hoạch, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, gia tăng lợi nhuận.



Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đặt mục tiêu duy trì môi trường “Xanh-Sạch-Đẹp” hiện có của Công ty. Thường xuyên tổ chức thu gom và xử lý rác thải. Đẩy mạnh tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đến ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường và cộng đồng.
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường: Trồng rừng, tái tạo lại đất, giám sát chất lượng môi trường theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thường xuyên kết hợp với các cơ quan, ban ngành tại địa phương, các tổ chức xã hội nhằm hỗ trợ các hộ gia đình chính sách, khó khăn, đồng bào thiểu số, vùng sâu vùng xa,... để nâng cao tinh thần của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2021 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Cùng chịu ảnh hưởng nặng nề của Covid-19, tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng bất ngờ, với tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2021 đạt 2,58%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột giữa các quốc gia trên thế giới vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao, đã có lúc GDP của cả nền kinh tế Việt Nam suy giảm 6,02% trong quý III/2021. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn gây ấn tượng khi đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng dương năm 2021. Năm 2022 nền kinh tế Việt Nam được kì vọng sẽ hồi phục mạnh mẽ, kéo theo nhu cầu điện tăng cao và dự báo doanh thu về ngành điện tăng đáng kể. Ban lãnh đạo SHP chủ động theo dõi diễn biến thị trường điện tại Việt Nam để đưa ra các phương án kịp thời, đảm bảo Công ty đi đúng tiến độ và đạt được mục tiêu mà ĐHCĐ đã đề ra.

Rủi ro độc quyền

Giá mua điện bình quân đối với các nhà máy thủy điện năm 2020 chỉ vào khoảng hơn 1.100 đồng/1kWh, trong khi đó, giá mua điện gió và điện mặt trời đang được nhà nước ưu đãi với giá cao hơn rất nhiều so với giá mua điện của các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, cụ thể giá mua điện gió đối với các dự án trong đất liền là: 8,5 Uscent/1kWh tương đương 2.014 đồng/1kWh và đối với các dự án trên biển là: 9,8 Uscent/1kWh tương đương 2.322 đồng/1kWh. Giá mua điện mặt trời mới nhất đang được Chính phủ xem xét là: 7,09 - 7,69 Uscent/kWh, tương đương 1.679 đồng/1kWh - 1.822 đồng/1kWh, đối với các dự án vận hành trước ngày 30/6/2019 thì được hưởng mức rất cao là: 9,35 Uscent/1kWh tương đương 2.215 đồng/1kWh.

Như vậy, đều là nguồn năng lượng tái tạo, nhưng thủy điện vừa và nhỏ đang là nguồn năng lượng có giá mua thấp hơn rất nhiều so với năng lượng gió và mặt trời. Việc giá điện bị giảm như trên càng làm cho các doanh nghiệp thủy điện sẽ gặp rất nhiều khó khăn hơn trong tương lai khi phải cạnh tranh với nhiều đơn vị khác trong ngành.



Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro thời tiết

Đối với các công ty, nhà máy hoạt động trong lĩnh vực thủy điện nói chung và Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam nói riêng, sản lượng điện sản xuất phụ thuộc chủ yếu vào lượng nước tại các hồ chứa. Trong trường hợp nước trong các hồ chứa bị thiếu hụt, thậm chí bị cạn nước do sự biến đổi thất thường của thời tiết như hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm trong cả mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với mức thiết kế, khiến sản lượng điện sản xuất của nhà máy không đạt mục tiêu đề ra.

Những tháng đầu năm 2021, điều kiện thời tiết không thuận lợi, lưu lượng nước bình quân về hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm trước làm cho tổng sản lượng phát điện của Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam giảm nhẹ. Ngoài nhiệm vụ phát điện, nhà máy thủy điện còn phải đảm bảo chức năng điều tiết nguồn nước hợp lý để chống hạn vào mùa khô và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ du trong mùa mưa bão hằng năm. Để ứng phó với các tình trạng này, doanh nghiệp phải luôn theo dõi và nắm bắt thông tin từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia để có những hành động và kế hoạch nhanh chóng giúp ứng phó với những biến đổi này cũng như xây dựng phương án phát điện tối ưu.

Đối với các rủi ro thời tiết khác như lũ quét, mưa lớn, gây thiệt hại cho các công trình đập của nhà máy, cũng như gây ra sự cố trong việc cung ứng điện, Công ty luôn sẵn sàng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Rủi ro vận hành

Các hồ thủy điện, thủy lợi của các nhà máy thủy điện đóng vai trò rất lớn trong việc điều hoà dòng chảy, chống hạn, cắt giảm lũ. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, khi có bão, mưa lớn liên tục, thường sẽ có lũ về từ thượng nguồn. Lúc này các hồ thủy điện phải chịu sức ép thực hiện quy trình xả lũ hợp lý, vừa đảm bảo an toàn cho công trình, vừa giảm thiệt hại cho hạ du.

Ý thức được được tầm quan trọng trong công tác vận hành hồ chứa, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam bên cạnh tăng cường tổ chức quan trắc, thu thập thông tin về khí tượng thủy văn cùng với triển khai các phương án đảm bảo an toàn công trình hồ đập, đặc biệt là các vị trí xung yếu, bố trí lực lượng kịp thời xử lý các tình huống mất an toàn có thể xảy ra.

Hiện nay, tất cả các đập, hồ chứa của Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam đã được đăng ký an toàn đập và thực hiện báo cáo hiện trạng an toàn đập theo đúng quy định và hướng dẫn của Cục An toàn Kỹ thuật Môi trường. Công ty thường xuyên làm việc với các đơn vị liên quan để kiểm tra, giám sát hồ đập để đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả.

Rủi ro lãi suất

Việc đầu tư các dự án cũng như các hoạt động sửa chữa, đại tu, vận hành hệ thống của các nhà máy thủy điện cần số lượng vốn rất lớn. Do đó các doanh nghiệp thủy điện luôn cần các nguồn vốn vay dài hạn để hoạt động. Trong bối cảnh năm 2020 - 2021, dưới ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19, mặt bằng lãi suất được các nhà tạo lập chính sách đưa về mức thấp để hỗ trợ nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng việc làm. Điều này bên cạnh cơ hội tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ của những năm trước, cũng đặt ra rủi ro về lãi suất tăng trở lại để ổn định giá cả và bảo vệ sức mua của đồng tiền. Do đó, chỉ một biến động nhỏ của lãi suất trên thị trường sẽ làm tăng chi phí sử dụng vốn và gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Để chủ động phòng ngừa rủi ro về lãi suất, SHP đã thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường, đưa ra các dự báo đánh giá xu hướng lãi suất trên thị trường và giám sát chặt chẽ tình hình biến động lãi suất của ngành ngân hàng trong xuyên suốt quá trình hoạt động của Công ty.

Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro nêu trên, Công ty còn phải đối mặt với các rủi ro khác từ yếu tố bên ngoài (an ninh, hoả hoạn, dịch bệnh Covid- 19), rủi ro sự cố trong quá trình vận hành, rủi ro về quản lý khai thác tài sản,.. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể phòng ngừa và hạn chế tác động bằng các biện pháp như: chủ động lập kế hoạch phòng chống, ứng phó dịch bệnh, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên về đảm bảo an toàn trong lao động nhằm giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





PHẦN II

TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

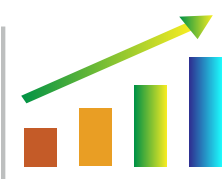
Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

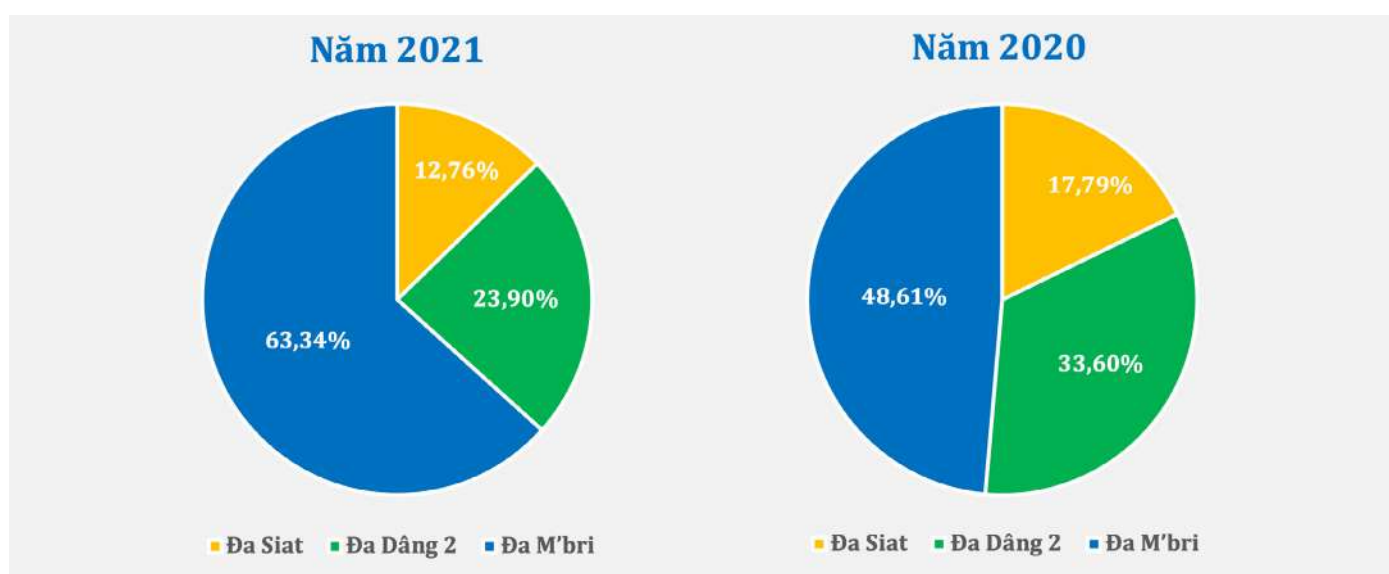


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		%Tăng/giảm 2021/2020
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Đa Siat	76,39	17,79%	83,96	12,76%	9,91%
2	Đa Dâng 2	144,29	33,60%	157,19	23,90%	8,94%
3	Đa M'bri	208,7	48,61%	416,66	63,34%	99,58%
Tổng cộng		429,38	100%	657,81	100%	53%

Năm 2021, tổng sản lượng điện thương phẩm của công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đạt 647.567 triệu KWh, đem về tổng doanh thu thuần phát điện là 657,81 tỷ đồng. Kết quả này ghi nhận sự tăng trưởng lớn so với năm 2020 (tăng 228,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 53%). Sự tăng trưởng này có sự đóng góp lớn từ nhà máy thủy điện Đa M'bri, khi nhà máy đã trở lại hoạt động bình thường sau khi tạm ngưng để sửa chữa trong quý 3/2020. Bên cạnh đó, năm 2021 có diễn biến thời tiết thuận lợi và ít xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan. Xu hướng La Nina ủng hộ trong năm 2021 đã giúp cho tình hình thủy văn của các con sông tại nhà máy thủy điện Đa M'bri, Đa Siat, Đa Dâng tốt hơn nhờ lượng mưa lớn và nguồn nước dồi dào.



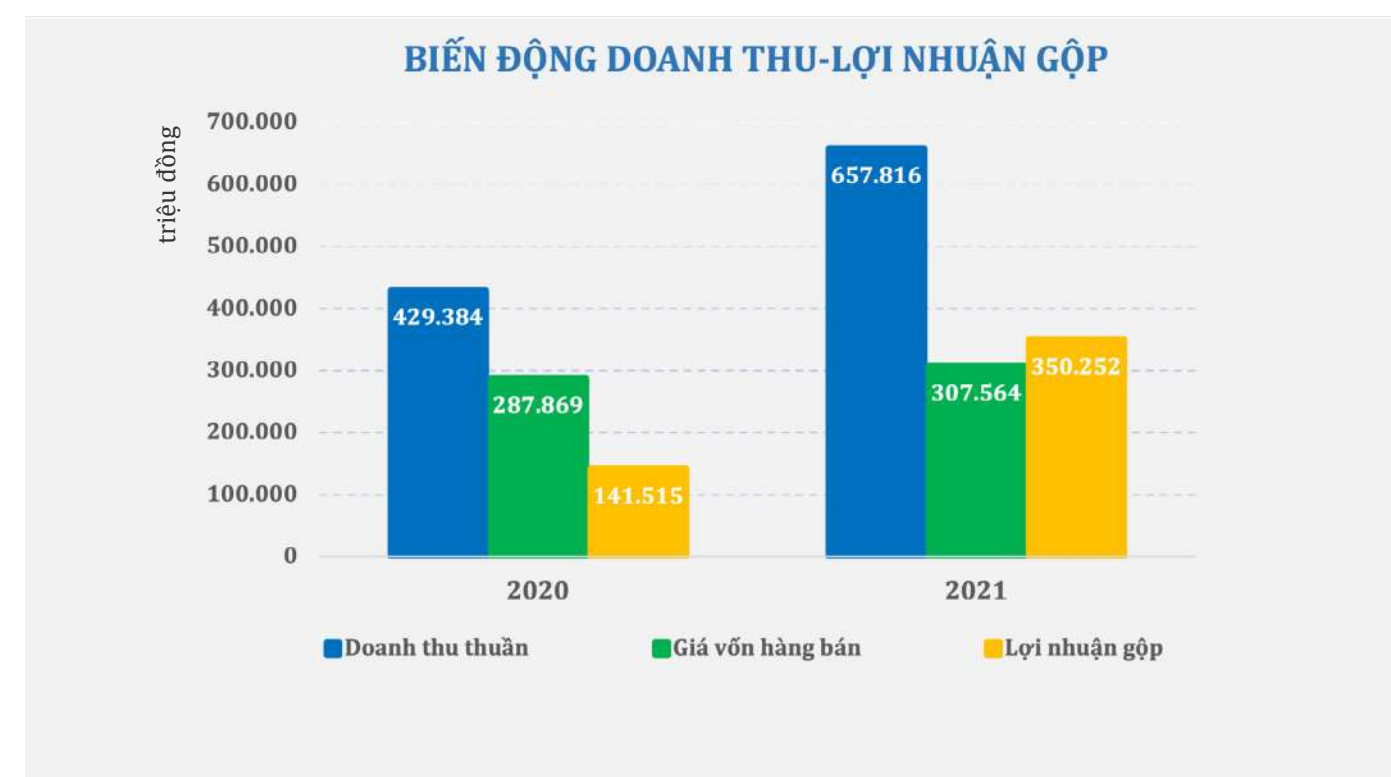
Sau nhiều tháng tạm ngưng vận hành để sửa chữa, nhà máy thủy điện Đa M'bri đã hoạt động sản xuất trở lại bình thường trong năm 2021, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu của SHP trong năm. Sản lượng điện thương phẩm nhà máy đạt 382,939 triệu KWh, doanh thu thuần phát điện ghi nhận 416,66 tỷ đồng, tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty khi đóng góp 63,33%.

Tình hình kết quả kinh doanh ở hai nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2 của SHP trong năm 2021 cũng ghi nhận sự tăng trưởng nhẹ khi giá trị doanh thu thuần ghi nhận lần lượt là 83,96 tỷ đồng và 157,19 tỷ đồng tương ứng mức tăng 9,9% và 8,94% so với năm 2020.

ĐVT: triệu đồng

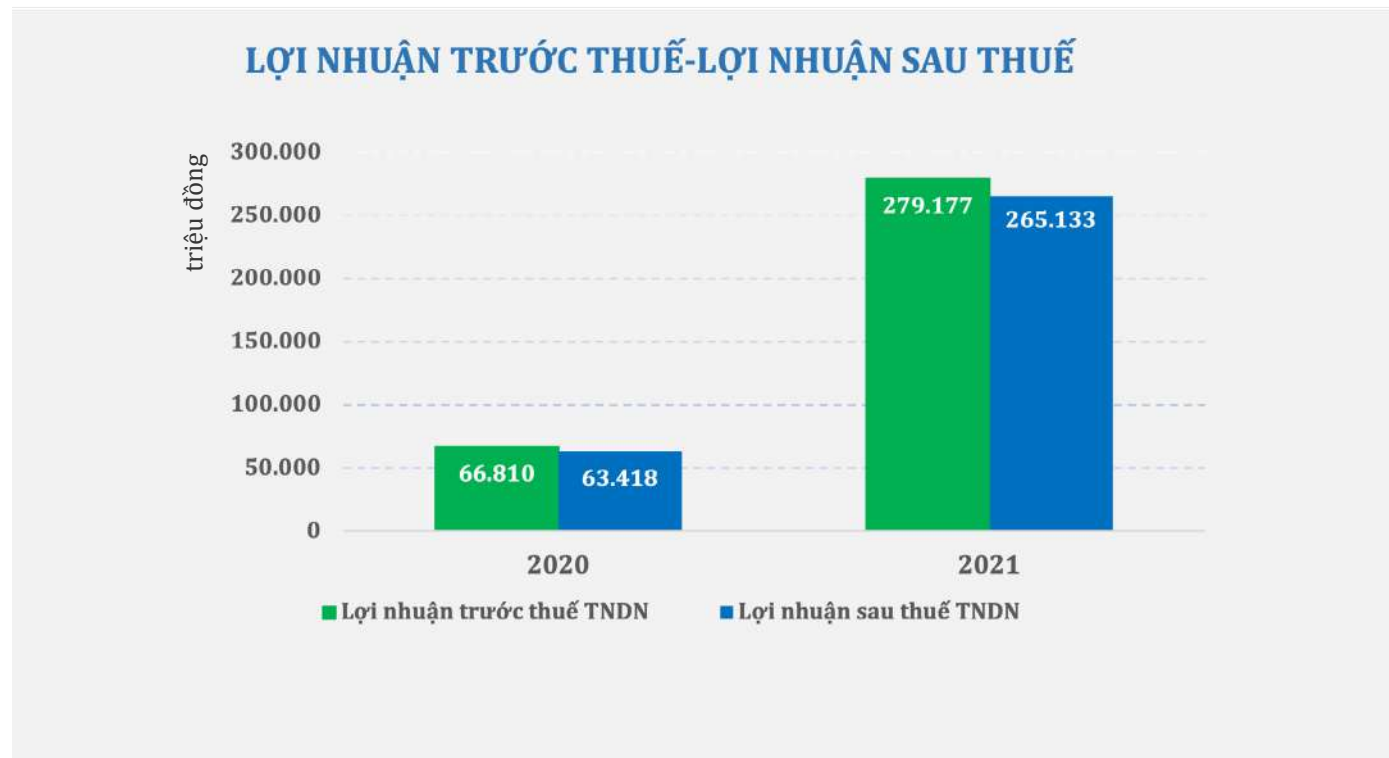
Chỉ tiêu	2020	2021	%Tăng/giảm 2021/2020
Doanh thu thuần	429.384	657.816	53,20%
Giá vốn hàng bán	287.869	307.564	6,84%
Lợi nhuận gộp	141.515	350.252	147,50%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	66.810	279.177	317,87%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	63.418	265.133	318,07%

Bên cạnh diễn biến thời tiết thuận lợi, mức tăng trưởng doanh thu mà SHP đạt được trong năm là thành quả trong công tác điều hành của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV công ty trong bối cảnh năm 2021 nhiều khó khăn và thách thức.



Năm 2021, nhà máy thủy điện Đa M'bri đi vào hoạt động bình thường trở lại đã giúp tăng trưởng đáng kể trong doanh thu phát điện. Bên cạnh đó, việc Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý các loại chi phí đã giúp cải thiện lợi nhuận gộp của SHP tăng trưởng 147,5% so với năm 2020, đạt mức 350,25 tỷ đồng. Qua đó, giúp công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 318,07% so với năm trước, đạt 265,1 tỷ đồng.

Lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN không chênh lệch quá nhiều là do các nhà máy của công ty vẫn còn trong thời gian được ưu đãi thuế: Thuế suất thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo.

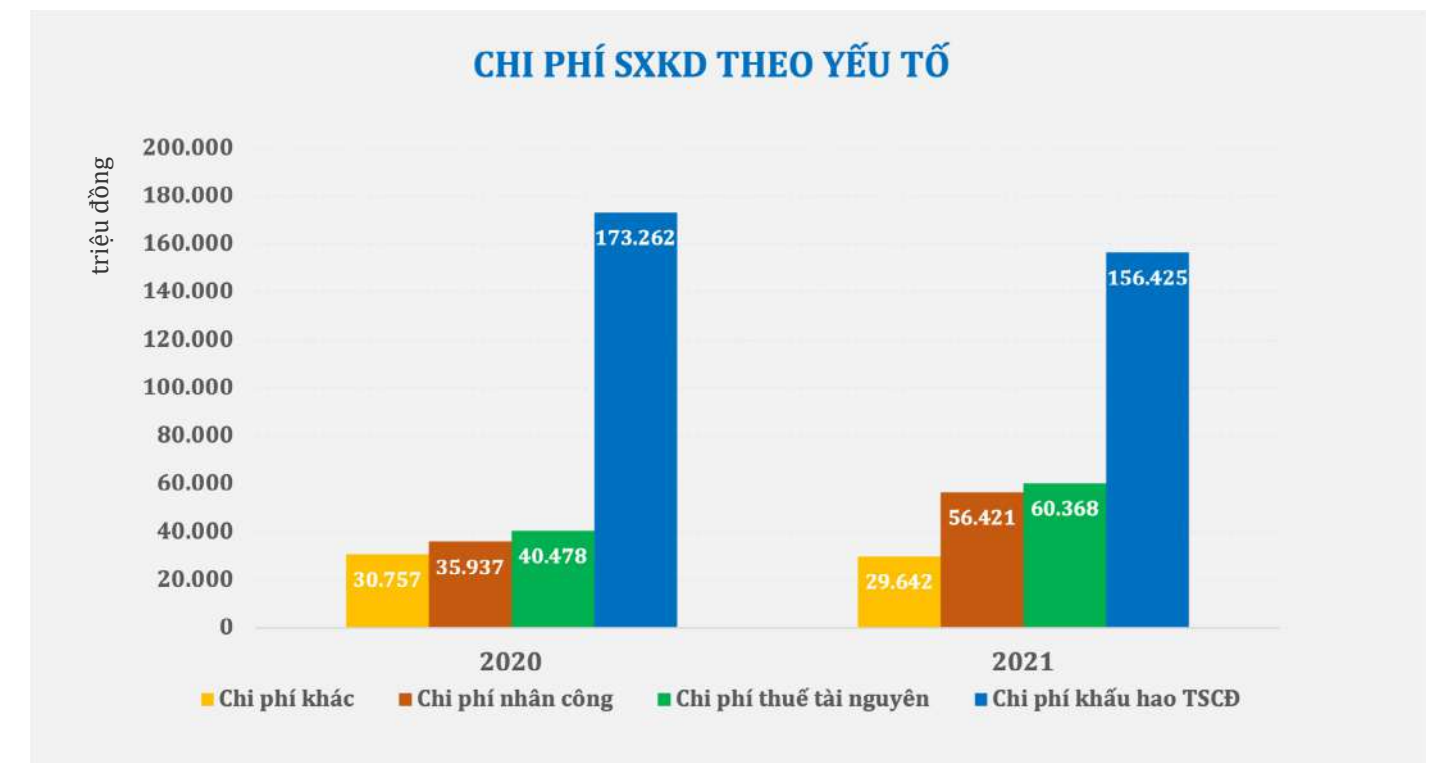


Cơ cấu chi phí

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	%Tăng/giảm 2021/2020
Chi phí vật liệu, công cụ	5.944	4.014	-32,48%
Chi phí nhân công	35.937	56.421	57,00%
Chi phí khấu hao TSCĐ	173.262	156.425	-9,72%
Chi phí thuế tài nguyên	40.478	60.368	49,14%
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.872	6.984	1,63%
Phí dịch vụ môi trường rừng	15.632	23.312	49,14%
Chi phí khác	30.757	29.642	-3,63%
Tổng cộng	308.882	337.166	9,16%

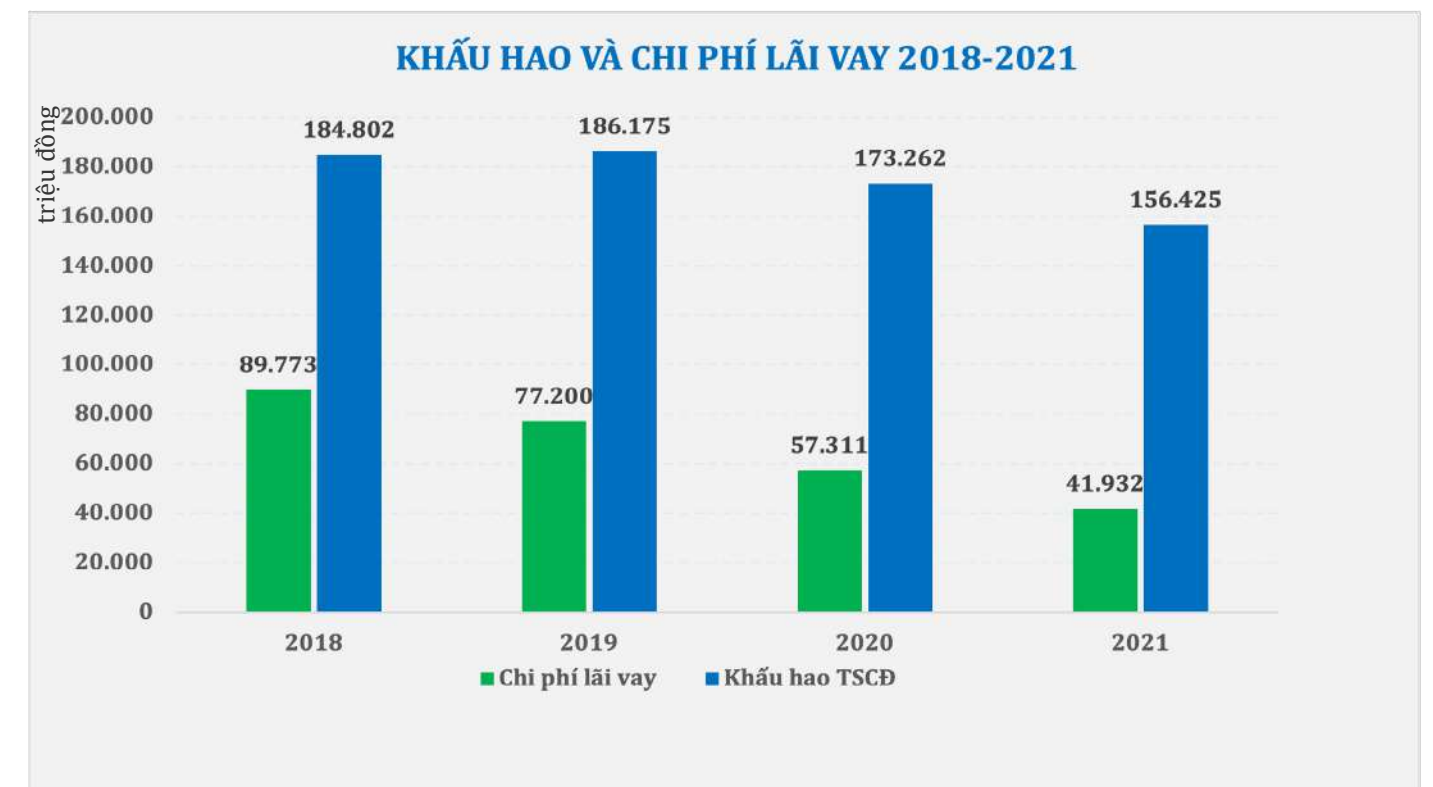
Trong năm 2021, chi phí sản xuất kinh doanh của SHP là 337,2 tỷ đồng, tăng 9,16% so với 2020. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu của công ty vẫn là Chi phí khấu hao tài sản cố định, nhưng năm 2021, chi phí khấu hao chỉ là 156,425 tỷ đồng, giảm 9,72% so với 2020. Các chi phí đóng góp vào mức tăng chung của tổng chi phí của SHP có thể kể đến Chi phí nhân công, 56,42 tỷ đồng, tăng 57%. Chi phí thuế tài nguyên tăng gần 20 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng mức tăng 49,14%. Phí dịch vụ môi trường rừng tăng 49,14%, đạt 23,312 tỷ đồng. Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước tăng nhẹ 1,63% so với năm 2020, ghi nhận 6,984 tỷ đồng. Nhìn chung, tổng mức tăng chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021 chỉ xấp xỉ 28,5 tỷ đồng, đây là mức tăng nhỏ so với tăng trưởng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy khả năng kiểm soát các loại chi phí của SHP trong năm đã được cải thiện.

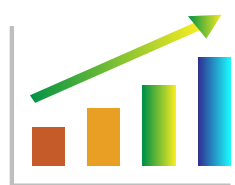


ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	%Tăng/giảm 2021/2020
Khấu hao TSCĐ	184.802	186.175	173.262	156.425	-9,72%
Chi phí lãi vay	89.773	77.200	57.311	41.932	-26,83%

Trong ngành thủy điện, chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất của các công ty là chi phí Khấu hao và chi phí lãi vay. Năm 2021, 2 chỉ tiêu lớn này của SHP đã được cải thiện đáng kể. Đặc biệt, chi phí lãi vay giảm 26,8% so với 2020, ghi nhận ở mức 41,9 tỷ đồng. Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng cả ngắn hạn và dài hạn, tăng tài trợ hoạt động bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Điều này giúp giảm áp lực chi phí lãi vay trong năm 2022 và các năm tới của SHP.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	7.600	0,01%
2	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	48.250	0,05%
3	Ông Đào Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	-	-

Thay đổi trong ban điều hành trong năm 2021:

Năm 2021, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành bổ nhiệm ông Đào Hoàng Dũng làm Phó Tổng Giám đốc công ty vào ngày 15/11/2021.

Ông Thang Thanh Hà - Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Từ 01/1987-11/1993: : Kỹ sư khảo sát và giám sát xây dựng công trình tại Trung tâm Năng lượng Công ty Điện lực 2 (nay là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3).
- Từ 12/1993-05/1997: Nhân viên phòng Thanh tra bảo vệ - Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Nam).
- Từ 06/1997-12/1997: Phó phòng Thanh tra Bảo vệ - Công ty Điện lực 2.
- Từ 12/1997-02/2001: Phụ trách phòng Thanh tra Bảo vệ - Công ty Điện lực 2.
- Từ 02/2001-06/2018: Trưởng phòng Thanh tra Bảo vệ - Tổng Công ty Điện lực miền Nam
- Từ 05/2004-07/2014: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- Từ 07/2014-04/2016: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam
- Từ 07/2018-Nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.600 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Vĩnh Châu - Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác:

- Từ 2005-2007: Trưởng phòng Thẩm định chế độ dự toán Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Thủy lợi 10.
- Từ 2007-Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 48.250 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Ông Đào Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điện kỹ thuật

Quá trình công tác:

- Từ 04/1994 - 10/1996: Cán bộ đào tạo, Cán bộ kỹ thuật - Phòng KH-KT, Điện lực Bến Tre (nay là Công ty Điện lực Bến Tre).
- Từ 11/1996 - 08/2004: Cán bộ đào tạo, Lao động tiền lương thuộc Phòng Tổ chức Hành chính - Điện lực Bến Tre (nay là Công ty Điện lực Bến Tre).
- Từ 08/2004 - 08/2007: Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Điện lực Bến Tre (nay là Công ty Điện lực Bến Tre).
- Từ 09/2007 - 03/2012: Chuyên viên Phòng Tổ chức Cán Bộ & Đào Tạo, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam).
- Từ 03/2012 - 06/2016: Phó trưởng Ban Lao Động Tiền Lương Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
- Từ 06/2016 - 11/2021: Phó trưởng ban Tổ Chức và Nhân Sự Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
- Từ 11/2021 - nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

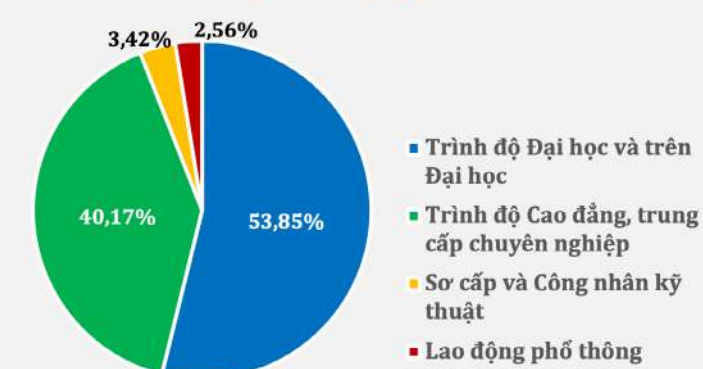
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

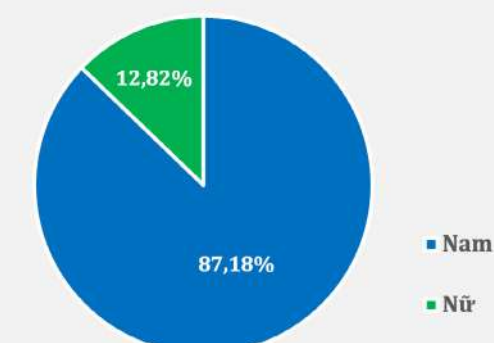
Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tiêu chí	Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	117	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	63	53,85%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	47	40,17%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	4	3,42%
4	Lao động phổ thông	3	2,56%
III	Theo giới tính	117	100%
1	Nam	102	87,18%
2	Nữ	15	12,82%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	117	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	1	0,85%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	10	8,55%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	106	90,60%
Tổng cộng		117	100%

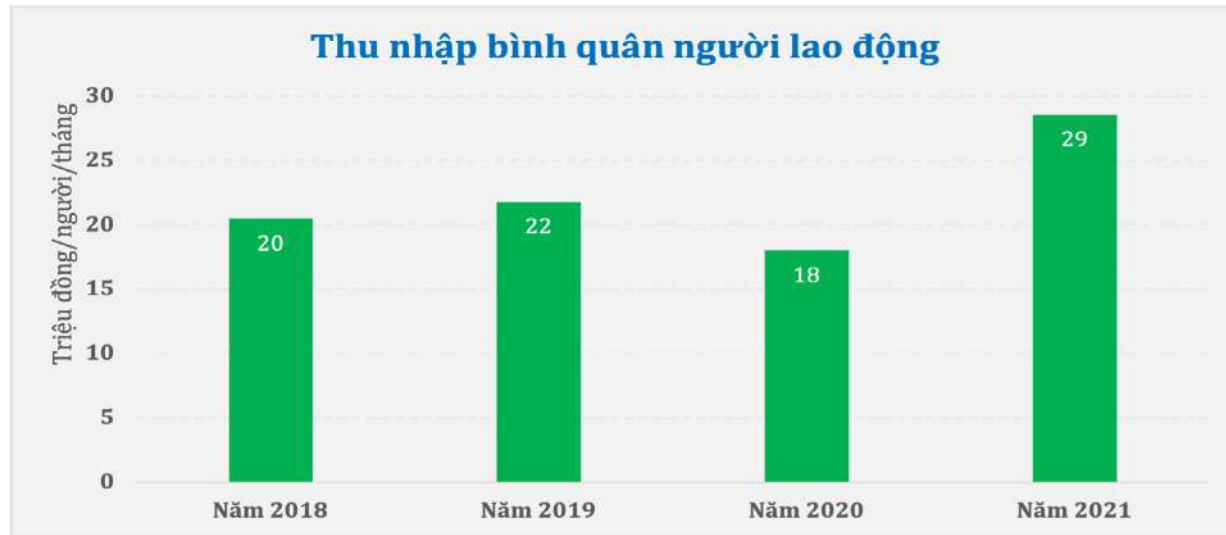
Theo trình độ lao động



Theo giới tính



Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	20.480.000	21.810.000	18.030.000	28.570.000



Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Hiểu được nguồn nhân lực chất lượng cao là chìa khóa cho sự phát triển của SHP. Công ty không ngừng đề cao năng lực của mỗi nhân viên, có chính sách lương thưởng rõ ràng để thu hút nhân tài. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng văn hóa doanh nghiệp để tạo nên sự gắn kết lâu dài đối với nhân viên, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc tại Công ty.

Với truyền thống nhiều năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Đào tạo hướng vào việc phát triển con người toàn diện, ưu tiên khuyến khích người lao động tự học tập, nâng cao trình độ.



Công ty thường xuyên mở lớp đào tạo ngắn hạn về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế, và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn.

Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, kiểm tra giữ bậc và nâng bậc cho lực lượng vận hành, phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia đào tạo và thi trường ca vận hành cho một số nhân sự.

Môi trường làm việc và Văn hoá doanh nghiệp

Nguồn nhân lực là tài sản quý báu, là nhân tố quan trọng đối với SHP. Vì vậy, Công ty không ngừng đầu tư, phát triển chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu mục tiêu, phát triển bền vững của công ty.

Các nhân viên được tiếp cận với môi trường làm việc hiện đại, công bằng, năng động và lành mạnh. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đều có cơ hội được phát huy tối đa khả năng sáng tạo và vốn kiến thức hiểu biết. Mọi đóng góp của các cán bộ công nhân viên đều được công ty đánh giá và ghi nhận kịp thời.

Lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam đề ra những tiêu chí rõ ràng về chế độ lương, thưởng và phúc lợi đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng xây dựng một chính sách đãi ngộ hợp lý để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất làm việc, không ngừng sáng tạo và cải tiến hơn trong công việc.

Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép, v.v cho cán bộ công nhân viên.

Định kỳ hằng năm, Công ty tổ chức cho người lao động được đi tham quan, du lịch nghỉ dưỡng; tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ; tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động bị ốm đau, có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng thành tích trong học tập cho con em người lao động.

Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ thưởng bằng tiền mặt vào các ngày lễ lớn trong năm và thưởng lương tháng 13 và các khoản thu nhập bổ sung dịp Tết Nguyên đán.



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án trong năm 2021: Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.825.096	1.832.514	0,41%
2	Doanh thu thuần	429.384	657.816	53,20%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	66.416	278.915	319,95%
4	Lợi nhuận khác	393,9	261,7	-33,57%
5	Lợi nhuận trước thuế	66.810	279.177	317,87%
6	Lợi nhuận sau thuế	63.418	265.133	318,07%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	650	2.746	322,46%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Vốn điều lệ (%)	5% tiền mặt, 8% cổ phiếu	Dự kiến 15%	-

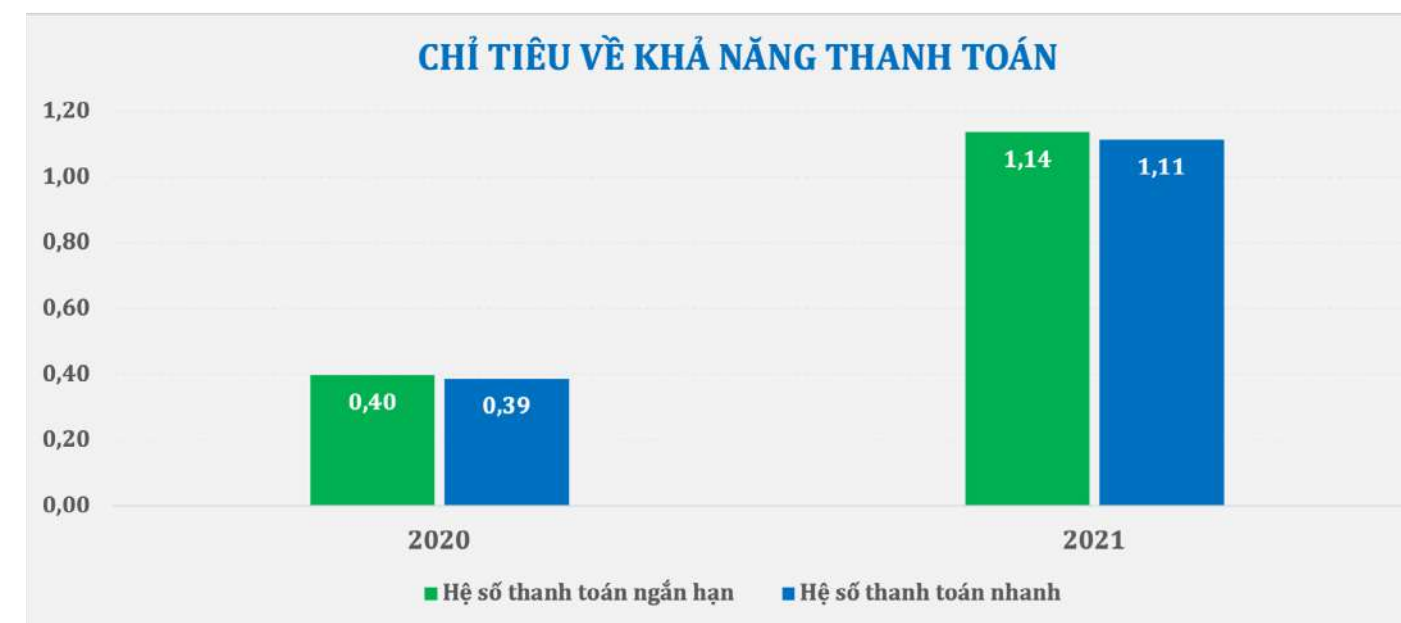
Năm 2021, giá trị doanh thu thuần của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đạt 657,8 tỷ đồng tăng trưởng 53,2% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh, đạt 278,9 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 319,95% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của công ty cũng tương đồng với tốc độ tăng trưởng Lợi nhuận từ HĐKD so với 2020, ở mức rất cao, 318,07%, đạt giá trị 265,133 tỷ đồng. Điều này có sự đóng góp rất lớn từ diễn biến thời tiết thuận lợi tại tỉnh Lâm Đồng, nơi đặt các nhà máy thủy điện của SHP. Mùa mưa năm 2021 kết thúc muộn, khiến sản lượng điện của SHP trong năm tăng 49% so với 2020, đồng thời giá bán điện bình quân năm 2021 (1.016đ/kWh) tăng 3% so với năm 2020 ((989đ/kWh). Lãi cơ bản trên cổ phiếu của SHP năm 2021 là 2.746 đồng, tăng trưởng 322,46% so với 2020.

Những thành công trong năm 2021 của SHP là sự nỗ lực làm việc, thực hiện công tác quản trị hiệu quả của ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của tập thể cán bộ công nhân viên qua đó, không những giúp SHP hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu được giao mà còn phát triển vượt bậc so với năm 2020 nhiều khó khăn và thách thức.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

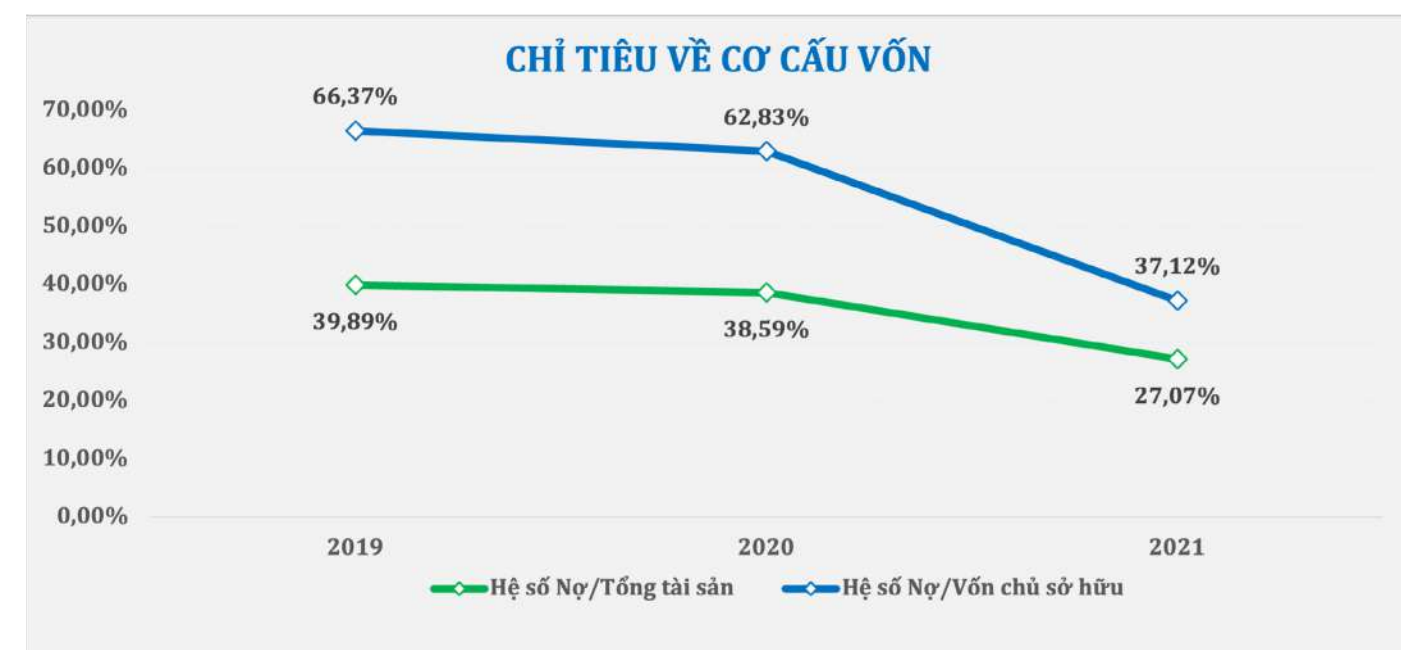
Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,40	1,14
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	1,11
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,59%	27,07%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	62,83%	37,12%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	77,32	64,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,22	0,36
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,77%	40,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,34%	21,56%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,24%	14,50%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,47%	42,40%

Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán



Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của SHP trong năm 2021 đều được cải thiện rất mạnh so với 2020, tương ứng 1,14 và 1,11 lần. Năm 2021, SHP đã tăng giá trị các khoản mục tài sản có tính thanh khoản cao là tương đương tiền, bao gồm: tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản gửi có kỳ hạn trong vòng 1 tháng với lãi suất tại ngày 31/12/2021 là 3,2%/năm và đồng thời các khoản nợ ngắn hạn cũng được SHP giảm tỷ trọng so với 2020. Kết quả này giúp tài sản ngắn hạn của công ty đủ để tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn, cho thấy độ an toàn trong vốn kinh doanh về mặt thời hạn là đảm bảo tốt đối với công ty.

Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn

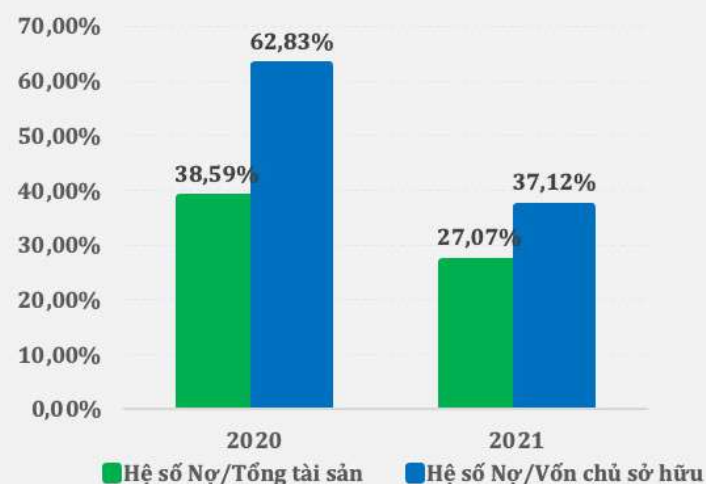


Cơ cấu nguồn vốn của công ty trong năm 2021 có sự thay đổi rất đáng kể so với các năm trước đó. Hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản giảm mạnh, còn 37,12% trong năm 2021. Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu là 27,07%, cải thiện đáng kể so với các năm trước. Năm 2021, khoản nợ phải trả của SHP đã được giảm đi đáng kể là do công ty đã thực hiện hoàn trả nhiều khoản vay nợ ngân hàng cả ngắn hạn và dài hạn. Do đó, thông qua việc cải thiện các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, công ty đã cho thấy trạng thái tự chủ về tài chính rất tốt.

Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động

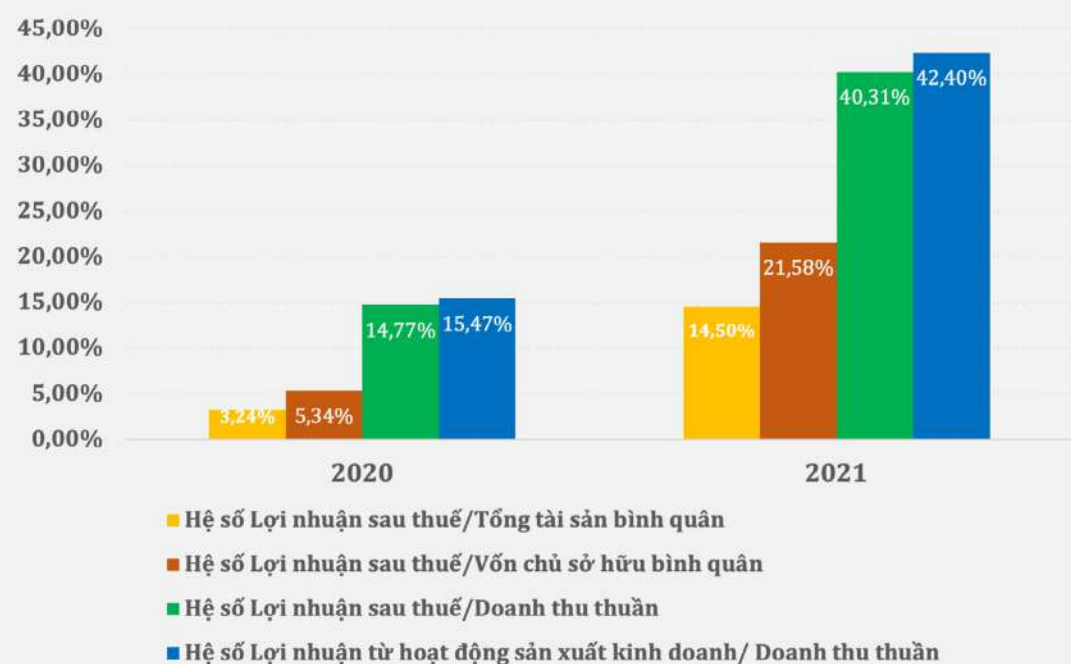
Năm 2021, hàng tồn kho của Công ty chủ yếu vẫn là các thiết bị, vật tư được dùng trong công tác sửa chữa tại ba nhà máy thủy điện. Do vậy, chỉ số vòng quay hàng tồn kho đối với doanh nghiệp ngành thủy điện tại Việt Nam rất lớn, năm 2021 là 64,12 vòng. Vòng quay tổng tài sản năm 2021 của SHP là 0,36 vòng, tăng lên đáng kể so với năm 2020. Kết quả này là bởi trong năm 2021, doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh 53,2% so với năm trước nhờ tình hình thủy văn thuận lợi cùng với giá bán điện trung bình năm cao hơn so với năm 2020.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2021, với sự ủng hộ của tình hình thời tiết trong năm, cùng sự nỗ lực trong công tác quản lý, chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo công ty, SHP đã có một năm thành công khi ghi nhận tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, qua đó cải thiện mạnh mẽ chỉ tiêu về khả năng sinh lời. Năm 2021, SHP ghi nhận tăng trưởng doanh thu cao từ các nhà máy thủy điện, cùng với việc quản lý tốt các loại chi phí, bên cạnh hưởng ưu đãi thuế TNDN đã giúp tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế của công ty và cải thiện các chỉ tiêu khả năng sinh lời.

Năm 2021, hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần là 40,31%, tăng mạnh so với 14,77% năm 2020. Các chỉ số ROA, ROE lần lượt đạt 14,50% và 21,58% cho thấy khả năng tạo ra lợi nhuận của SHP từ các nguồn lực trong công ty tăng lên đáng kể so năm 2020.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ: 1.012.063.520.000 đồng

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 101.206.352 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 101.206.352 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

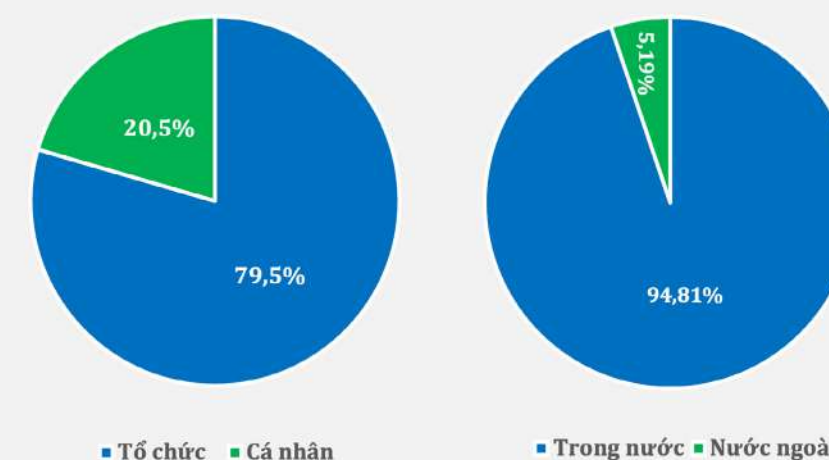
Loại cổ phần: phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 21/01/2022)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	49.447.106	48,86%	1	1	0
	Cổ đông lớn	16.383.826	16,19%	2	2	0
2	- Trong nước	11.220.649	11,09%	1	1	0
	- Nước ngoài	5.163.177	5,10%	1	1	0
	Cổ đông khác	35.375.420	34,95%	3.170	36	3.134
3	- Trong nước	35.288.403	34,87%	3.148	31	3.117
	- Nước ngoài	87.017	0,09%	22	5	17
	TỔNG CỘNG	101.206.352	100%	3.173	39	3.134

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG





Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty đã thực hiện phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 937.102.000.000 đồng lên 1.012.063.520.000 đồng (tại ngày 23/03.2022).

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Danh sách cổ đông lớn (tính đến ngày 21/01/2022)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (TNHH)	72 Hai bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, HCM	49.447.106	48,857%
2	Công ty TNHH Năng Lượng R.E.E	364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, HCM	11.220.649,00	11,087%
3	SAMARANG UCITS - SAMARANG ASIAN PROSPERITY	11a, Avenue Monterey L-2163 Luxembourg	5.163.177,00	5,102%



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Tác động lên môi trường

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn phát huy vai trò quan trọng trong lĩnh vực sản xuất điện và phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và địa phương nói riêng. Ngoài ra, Công ty đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ môi trường sinh thái cho khu vực thượng lưu, hạ lưu sông Đa Dâng, suối Đa Siat, suối Đa'Mbri trên địa bàn các huyện Đức Trọng, Đạ Huoai và Bảo Lâm của tỉnh Lâm Đồng.

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật môi trường, chấp hành tốt việc quản lý chất thải và chất thải nguy hại, thu gom, phân loại, quản lý, bàn giao xử lý đúng quy định, xây dựng kho chứa chất thải nguy hại đúng quy cách. Công ty thực hiện đầy đủ 4 kỳ quan trắc/năm theo yêu cầu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kết quả đo đạc phân tích các chỉ tiêu về môi trường của SHP đều trong tiêu chuẩn cho phép.

Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năng lượng điện là một trong những vấn đề được Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam quan tâm hàng đầu. Nhân viên và ban quản lý đã đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu chi phí sử dụng năng lượng trong sản xuất lẫn sinh hoạt, giảm bớt các tác động đến môi trường như:

- Ban hành quy định sử dụng điện tiết kiệm.
- Thay thế toàn bộ bóng điện sợi đốt, cao áp bằng bóng led có hiệu suất cao.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức của Người lao động về việc tiết kiệm năng lượng.
- Trong năm qua, Công ty tiếp tục thực hiện tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm của các khách hàng cũng như CBNV của Công ty.



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách phúc lợi

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phối hợp với các đơn vị, bộ phận để làm tốt hơn nữa việc sử dụng sắp xếp, bố trí lao động đảm bảo phát huy hết năng lực làm việc, năng suất lao động cao nhất. Ngoài ra ban lãnh đạo thường xuyên xem xét bổ sung các tiêu chí cụ thể, đo lường được trong thực hiện đánh giá năng lực NLD.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định Pháp luật về lao động. Thỏa ước tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.

Chính sách tuyển dụng

Coi yếu tố con người là trọng tâm chính, là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty đưa ra kế hoạch tuyển dụng nhân sự thích hợp.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân lực

Với truyền thống nhiều năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Đào tạo hướng vào việc phát triển con người toàn diện, ưu tiên khuyến khích người lao động tự học tập, nâng cao trình độ.

Công ty thường xuyên mở lớp đào tạo ngắn hạn về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế, và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn.

Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, kiểm tra giữ bậc và nâng bậc cho lực lượng vận hành, phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia đào tạo và thi trường ca vận hành cho một số nhân sự.



Tiêu thụ nước

Công ty là đơn vị sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng nên việc tiêu thụ nước chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

Nguồn cung cấp nước cho Công ty là nguồn nước từ lưu vực sông Đa Dâng, suối Đa'Mri, suối Đa Siat. Công ty không sử dụng nước tái chế và không thực hiện tái chế nước.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác an sinh xã hội luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Thủy điện Miền Nam quan tâm, coi đó là nhiệm vụ quan trọng, là trách nhiệm, tình cảm của công ty đối với cộng đồng, với xã hội. An sinh xã hội thể hiện tính nhân văn, bổn phận của con người, của xã hội đối với cộng đồng và góp phần để xây dựng một xã hội hài hòa, văn minh.

Công ty Thủy điện Miền Nam luôn ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, cùng xây dựng những điều tốt đẹp và mang lại lợi ích cho xã hội. Tình cảm tương thân tương ái được thể hiện bằng việc mọi cán bộ công nhân viên công ty góp sức cho công tác an sinh xã hội của công ty bằng chính sức lao động và tri thức của mình.



PHẦN III

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động

Năm 2021 là một năm có thời tiết thuận lợi và ít có những diễn biến thời tiết cực đoan như năm 2020. Với xu hướng thời tiết chính trong năm 2021 là La Nina mức độ nhẹ, đã đem lại một lượng mưa lớn và tình hình thời tiết ôn hoà, tạo tiền đề phát triển cho các nhà máy thủy điện của công ty. Lượng mưa 11 tháng đầu năm 2021 cao hơn 7% so với cùng kỳ trung bình giai đoạn 2015 - 2020. Ảnh hưởng của La Nina giúp cho lượng mưa và nước đổ về hồ chứa của 3 nhà máy thủy điện của công ty ở mức tương đối cao. Mùa mưa kết thúc muộn và lượng mưa trung bình năm cao, đặc biệt lưu lượng nước về hồ chứa bình quân của Nhà máy ĐaM'bri bằng 179,6% so với năm 2020, giúp cho tình hình sản xuất sản lượng điện thương phẩm năm nay so với năm 2020 có sự tăng trưởng đáng kể.

Cụ thể, trong cả năm 2021 tổng giá trị sản xuất kinh doanh từ các nhà máy thủy điện của SHP tăng 17,3% so với 2020, bất chấp dịch Covid-19 diễn

biến phức tạp làm giảm nhẹ nhu cầu tiêu thụ điện trong quý III/2021. Kết thúc năm 2021, cả 3 nhà máy thủy điện của SHP đều đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch:

- Nhà máy Đa Siat đạt 105,57% kế hoạch sản lượng phát điện.
- Nhà máy Đa Dâng 2 đạt 105,38% kế hoạch sản lượng phát điện.
- Nhà máy Đa M'bri đạt 120,61% kế hoạch sản lượng phát điện.
- Bên cạnh thuận lợi của thời tiết trong năm, Ban Tổng giám đốc đã sát sao trong công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện các dự án trong năm với sự phối hợp chặt chẽ của các phòng ban trong công ty, tận dụng tối đa lợi thế thời tiết để đem lại lợi nhuận cao nhất. Lợi nhuận sau thuế của SHP trong năm 2021 ghi nhận kết quả tăng trưởng ấn tượng, đạt 265,13 tỷ đồng, bằng 151,68% so với kế hoạch và 418,07% so với giá trị năm 2020.

Kết quả sản xuất kinh doanh 2021

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng(giảm) so với KH	% Thực hiện/Kế hoạch 2021
1	Doanh thu phát điện	560.781	657.816	97.035	117,30%
2	Tổng chi phí	376.800	379.148	2.348	100,62%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	184.001	279.177	95.176	151,73%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	174.801	265.133	90.332	151,68%

Thông qua những biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đồng bộ, toàn diện và hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát; kết hợp sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của các sở, ngành, cơ quan quản lý tại địa phương, sự đồng thuận của cổ đông và đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của hơn 117 cán bộ công nhân viên toàn Công ty chính là những yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua trở ngại, tích cực phát huy những lợi thế riêng của doanh nghiệp, cũng như những giai đoạn thuận lợi của thị trường để thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra.

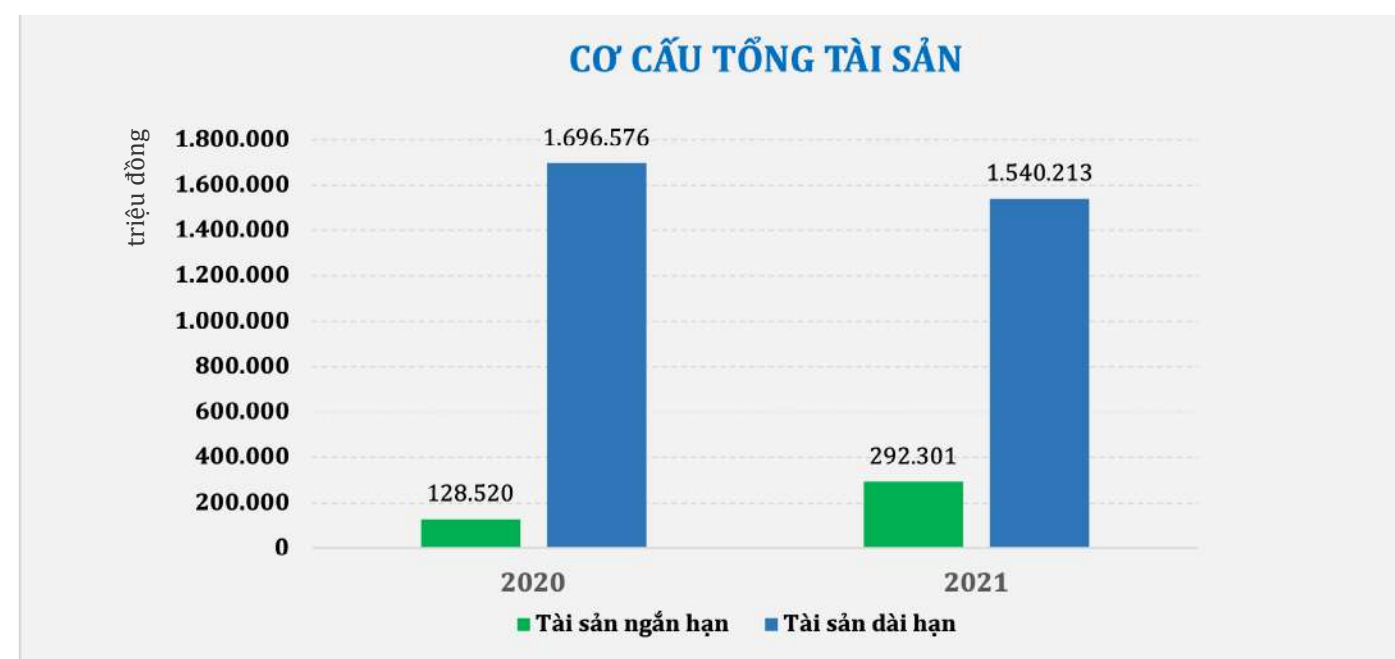


Tình hình Tài chính

Cơ cấu tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		%2021/ 2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	128.520	7,04%	292.301	15,95%	227,44%
Tài sản dài hạn	1.696.576	92,96%	1.540.213	84,05%	90,78%
Tổng tài sản	1.825.096	100%	1.832.514	100%	100,41%

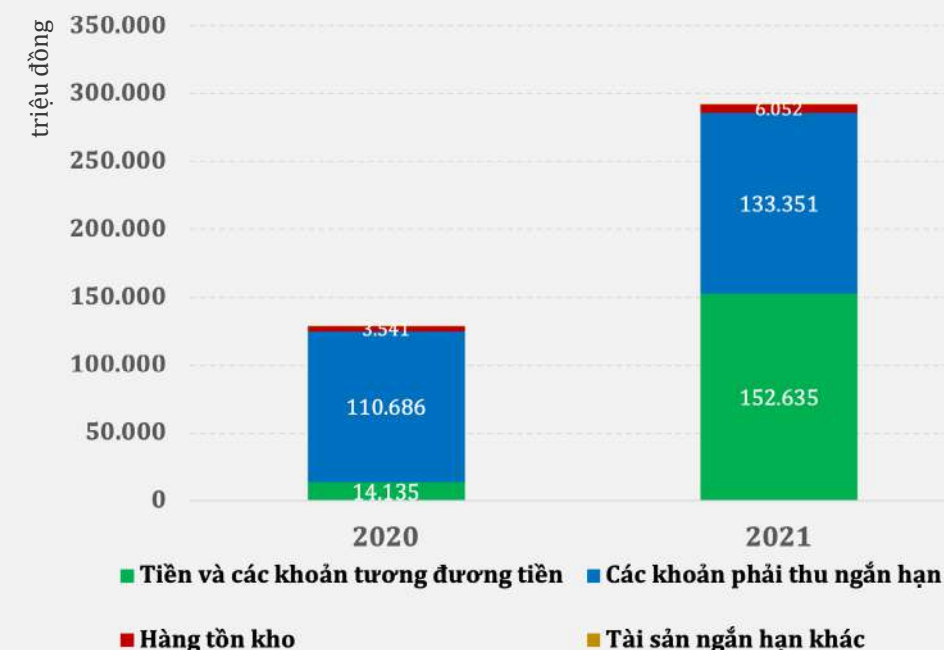


Với đặc thù là doanh nghiệp ngành thủy điện, tài sản dài hạn là chủ yếu cấu thành nên cơ cấu tổng tài sản của SHP, trong đó tỷ trọng lớn nhất là tài sản cố định. Năm 2021, tài sản ngắn hạn của công ty đạt 292,3 tỷ đồng, tài sản dài hạn của SHP đạt 1.540,2 tỷ đồng và phần lớn là các tài sản cố định hữu hình thuộc về 3 nhà máy thủy điện của công ty. Tài sản dài hạn của SHP có xu hướng giảm đều trong năm 2021 và các năm trước đây là do khấu hao lũy kế từng năm.

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	2020		2021		%2021/ 2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.135	11,00%	152.635	52,22%	1079,8%
Các khoản phải thu ngắn hạn	110.686	86,12%	133.351	45,62%	120,5%
Hàng tồn kho	3.541	2,76%	6.052	2,07%	170,9%
Tài sản ngắn hạn khác	158	0,12%	263	0,09%	167,0%
Tổng cộng	128.520	100,00%	292.301	100,00%	227,4%

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



Tài sản ngắn hạn của công ty năm 2021 đạt 292,3 tỷ đồng, tăng 127% so với 2020. Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn trong các năm của SHP vẫn là Tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn. Đáng chú ý, Tiền và tương đương tiền của công ty năm 2021 là 152,6 tỷ đồng tăng xấp xỉ 10 lần so với 2020. Việc công ty duy trì tỷ lệ tiền và tương đương tiền, tài sản có tính thanh khoản cao nhất trong năm nay là phù hợp với bối cảnh 2021, khi nền kinh tế bị tác động mạnh của dịch bệnh Covid-19, công ty duy trì tiền mặt cao trong cơ cấu để chờ đợi và nắm bắt những cơ hội đầu tư mới phù hợp với tình hình của doanh nghiệp và thị trường chung.

Các khoản phải thu ngắn hạn của SHP năm 2021 là 133,3 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2020. Chiếm chủ yếu là các khoản phải thu từ Công ty mua bán điện và Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu tài sản dài hạn	2020		2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	635	0,04%	-	-	0,00%
Tài sản cố định	1.693.778	99,84%	1.538.407	99,9%	90,83%
Tài sản dở dang dài hạn	252	0,01%	669	0,04%	265,39%
Tài sản dài hạn khác	1.911	0,11%	1.136	0,07%	59,46%
Tổng cộng	1.696.576	100%	1.540.213	100%	90,78%

Tài sản dài hạn của công ty năm 2021 còn lại 1.540,2 tỷ đồng, giảm 9,22% so với năm 2020. Trong cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm chủ yếu, với giá trị 1.538.4 tỷ đồng, chính là giá trị còn lại của nhà máy, máy móc, thiết bị các nhà máy thủy điện của công ty. Đây cũng là những tài sản đảm bảo chính cho các khoản vay ngân hàng của công ty.



ĐVT: triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.398.353	1.432.213	59,72%
Máy móc thiết bị	704.083	103.042	14,63%
Phương tiện vận tải	5.229	225	4,30%
Thiết bị văn phòng	928	91	9,76%
Tổng cộng	3.108.594	1.535.570	49,40%

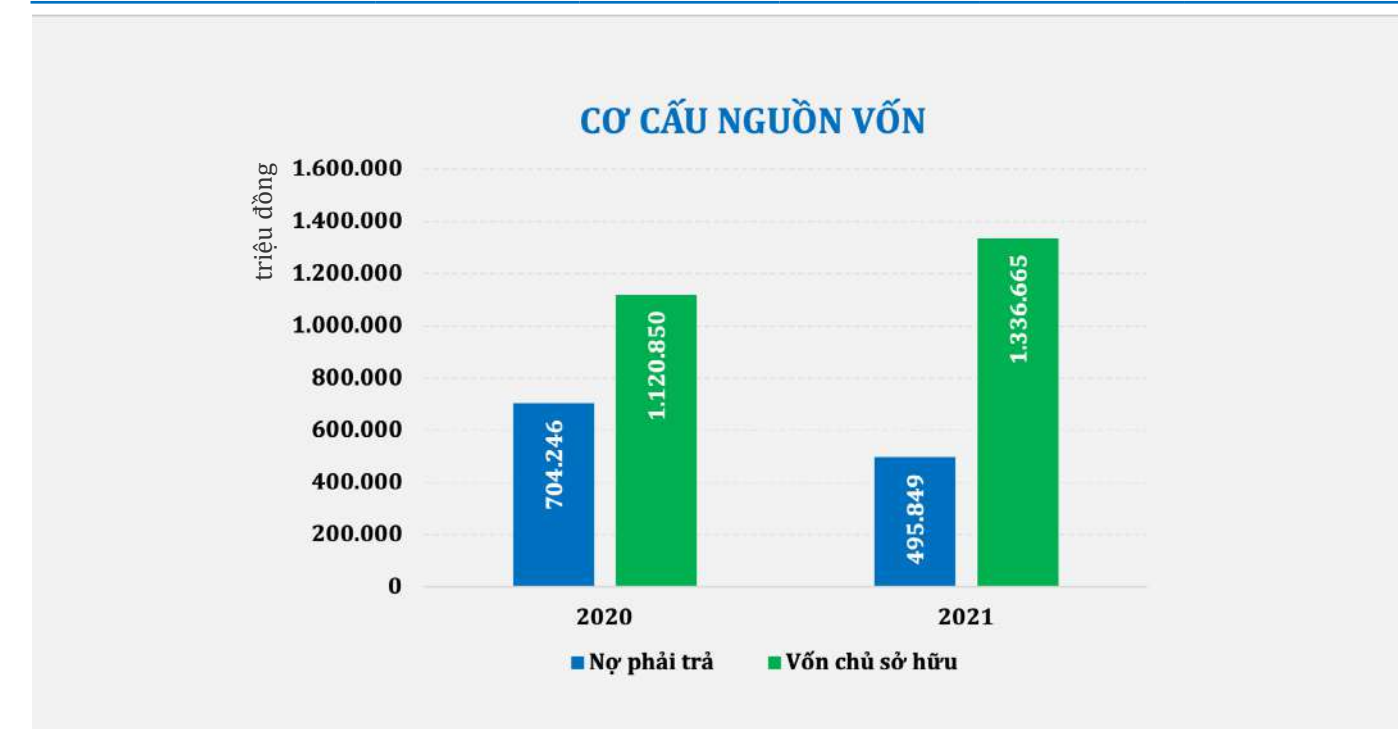
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.720	2.720	100%
Phần mềm máy tính	595	117	19,65%
Tổng cộng	3.315	2.837	85,57%

Tài sản dở dang dài hạn của công ty trong năm 2021 là 668 triệu đồng, đây là chi phí sửa chữa lớn của nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Tài sản dài hạn khác của công ty năm 2021 là 1,136 tỷ đồng, đây là Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định tại nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, nhà máy thủy điện Đa siat và nhà máy thủy điện Đa M'bi đã hoàn thành và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tình hình Nguồn vốn

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu Nguồn vốn	2020		2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	2020	2021	
Nợ phải trả	704.246	38,59%	495.849	27,06%	70,41%
Vốn chủ sở hữu	1.120.850	61,41%	1.336.665	72,94%	119,25%
Tổng cộng	1.825.096	100,00%	1.832.514	100,00%	100,41%



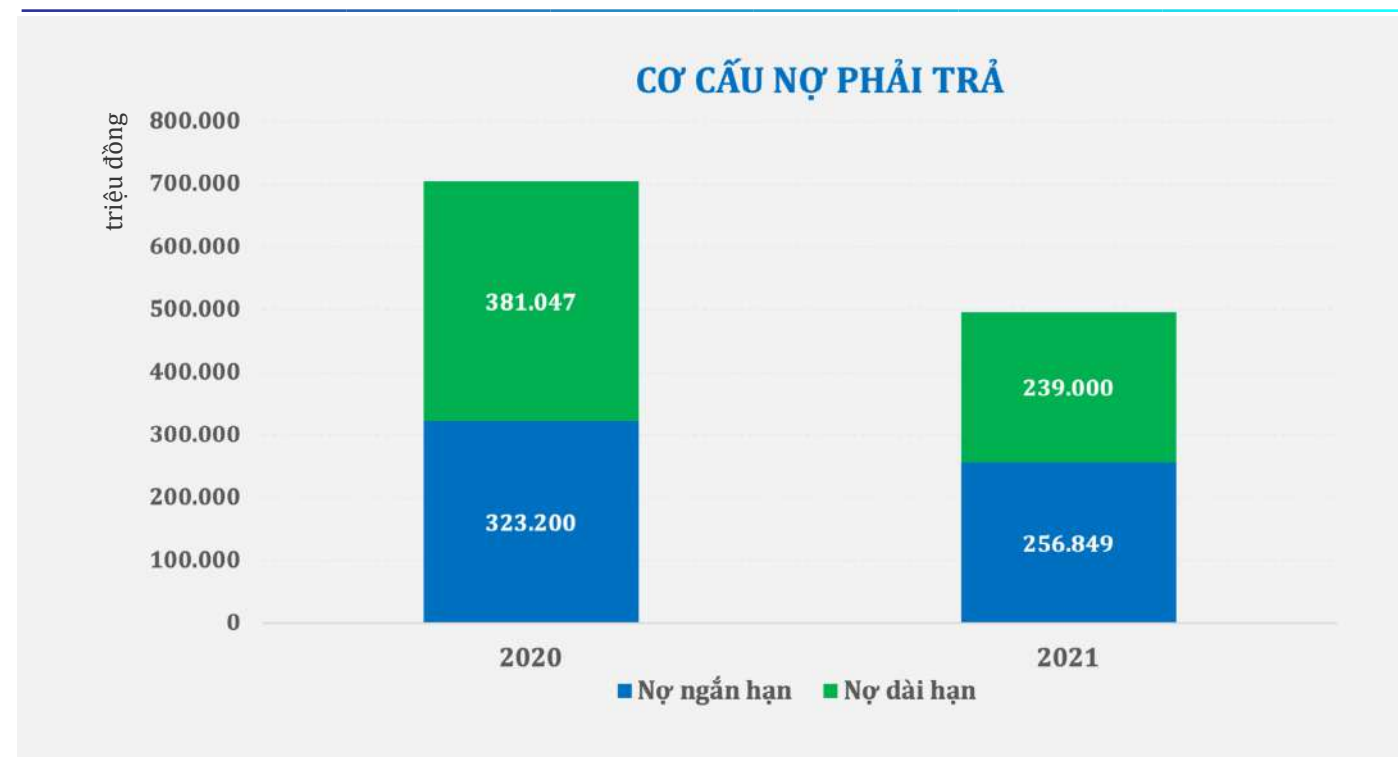
Năm 2021, trong tổng nguồn vốn của công ty, bao gồm Nợ phải trả 495,849 tỷ đồng giảm 29,59% và Vốn chủ sở hữu là 1.336,5 tỷ đồng tăng 19,24% so với 2020. Đáng chú ý, tỷ trọng vốn chủ sở hữu đã tăng mạnh trong cơ cấu nguồn vốn của SHP trong năm 2021, cho thấy rằng nguồn vốn của công ty dựa nhiều hơn vào vốn chủ sở hữu, rất an toàn và SHP đã tự chủ về mặt tài chính tốt.



Tình hình Nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Nợ phải trả	2020		2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	323.200	45,89%	256.849	51,80%	79,47%
Nợ dài hạn	381.047	54,11%	239.000	48,20%	62,72%
Tổng cộng	704.247	100%	495.849	100%	70,41%



Trong năm 2021, tổng nợ phải trả của SHP là 495,849 tỷ đồng, bằng 79,47% so với năm 2020. Đáng chú ý, mức giảm bao gồm ở cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của công ty. Nợ ngắn hạn là 256,849 tỷ đồng, nợ dài hạn của công ty là 239 tỷ đồng lần lượt giảm xấp xỉ 20,53% và 37,28% so với năm 2020. Các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ Vay nợ ngắn hạn ngân hàng bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đasiat tại tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền, được công ty trả nợ 18,9 tỷ trong năm. Nợ dài hạn ngân hàng được công ty thanh toán 168 tỷ đồng trong năm 2021. Việc giảm bớt các khoản Nợ của công ty trong năm 2021 là một kết quả rất tích cực, điều này sẽ giảm góp phần giảm áp lực chi phí lãi vay của công ty cho những tiếp theo.





NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

SHP đã thực hiện chính sách tinh gọn lao động, từng bước gọn nhẹ bộ máy nhưng không làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty cổ phần. Phòng Tổ chức thường xuyên rà soát nắm bắt tình hình, số lượng lao động tại tất cả các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ, tổ, đội sản xuất để tham mưu bố trí, điều chuyển lao động một cách hợp lý, hài hòa. Đặc biệt trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, để đảm bảo hoạt động của Công ty được liên tục, Phòng Tổ chức đã phối hợp với phòng ban, đơn vị trực thuộc tham mưu sắp xếp, bố trí nhân lực thực hiện phương án “03 tại chỗ” trong thời gian giãn cách, cũng như khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới một cách chặt chẽ, linh hoạt theo đúng quy định trên từng địa bàn hoạt động, đảm bảo cho hoạt động sản xuất-kinh doanh trong toàn Công ty được duy trì ổn định, hiệu quả.

2

Công ty tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng công tác bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và không ngừng cải tiến, nâng cấp thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và sử dụng máy móc, thiết bị một cách hiệu quả nhằm tiết kiệm nhiên liệu để bảo vệ môi trường.

3

Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu sống còn. Vì vậy trong thời kỳ khoa học công nghệ ngày càng phát triển, công ty tăng cường áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoặc ứng dụng những công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, phát huy hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm từ Công ty đến các đơn vị sản xuất, đảm bảo tất cả các sản phẩm sản xuất ra đều phải được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng(giảm) KH2022/ KH2021	Tỷ lệ % KH2022/ KH2021
1	Tổng doanh thu	560.801	628.889	68.088	112,14%
2	Tổng chi phí	376.800	373.460	(3.340)	99,11%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	184.001	255.429	71.428	138,82%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	174.801	242.658	67.857	138,82%



BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn quan tâm, đề cao công tác giám sát bảo vệ môi trường. Lãnh đạo công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý và bảo vệ môi trường tại các nhà máy. Mọi CBCNV công ty luôn phải có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường tại vị trí làm việc, hiện trường sản xuất sạch sẽ, ngăn nắp.

Định kỳ 6 tháng, Công ty thực hiện công tác quan trắc môi trường theo quy định, đánh giá chất lượng môi trường tại các vị trí sản xuất, thực hiện thu gom, phân loại và xử lý đúng quy định các chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất và sinh hoạt.

Hiểu được tầm quan trọng của tài nguyên nước đối với sản xuất và sinh hoạt. Công ty đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư vùng lòng hồ nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của thủy điện, cũng như bảo vệ môi trường nguồn nước hồ chứa, chống xâm lấn lòng hồ.

Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của công ty. Các CBCNV công ty thường xuyên được bồi dưỡng thông qua các lớp đào tạo chuyên sâu để nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn, qua đó khai thác tối đa tiềm năng của người lao động. Công ty có chính sách tiền lương, thưởng, các chế độ phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật đóng góp cho công ty.

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội. Từ đó, Công ty tổ chức nhiều hoạt động xã hội ý nghĩa để thể hiện sự gắn kết với địa phương, tấm lòng tương thân tương ái, quan tâm chăm sóc các gia đình chính sách. Các chương trình thăm hỏi tặng quà gia đình khó khăn, gặp nạn do mưa lũ, xây dựng nhà tình nghĩa, học bổng dành tặng các cháu thiếu nhi vượt khó vươn lên đạt thành tích xuất sắc được tổ chức nhằm hỗ trợ xã hội, cộng đồng.





PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch & định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá về công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy

Trong năm Công ty đã thực hiện công tác vận hành, sửa chữa, trung đại tu thiết bị các tổ máy theo đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra như sau:



Nhà máy ĐaM'Bri:

Số giờ vận hành trung bình năm 2021 là 5.302 giờ/theo thiết kế 4.509 giờ (năm 2020: 2.515 giờ).



Nhà máy Đa Dâng 2:

Số giờ vận hành trung bình năm 2021 là 5.827 giờ/theo thiết kế 4.474 giờ (năm 2020: 5.404 giờ).



Nhà máy Đa Siat:

Số giờ vận hành trung bình năm 2021 là 5.547 giờ/theo thiết kế 4.396 giờ (năm 2020: 4.582 giờ).

Các hạng mục xây dựng

Hoàn thành xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước nhà máy thủy điện Đa M'Bri - Giai đoạn 1.

Hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước, công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri.

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng(giảm) KH2022/ KH2021	Tỷ lệ % KH2022/ KH2021
1	Tổng doanh thu	560.801	628.889	68.088	112,14%
2	Tổng chi phí	376.800	373.460	(3.340)	99,11%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	184.001	255.429	71.428	138,82%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	174.801	242.658	67.857	138,82%

Thông qua việc Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp, biện pháp một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, dưới sự nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt 265,133 tỷ đồng và vượt 51,68% so với kế hoạch.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các Thành viên điều hành khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty để kịp thời kiểm tra, chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao những biện pháp, giải pháp mà Ban Điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2021. Ban Điều hành đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, đúng Điều lệ tổ

chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ban điều hành đã luôn tích cực, chủ động thực hiện và giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao:

- Thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành Công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty đúng quy định của pháp luật;
- Điều hành, triển khai và tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình dịch Covid-19 và nhu cầu thị trường, đặc biệt đã tập hợp, phát huy được sức mạnh nội lực, sự đồng thuận, lao động sáng tạo, siêng năng, cần cù của mọi thành viên trong Công ty.





KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu thực hiện chủ yếu

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng(giảm) KH2022/ Kh2021	Tỷ lệ % KH2022/ KH2021
1	Tổng Doanh thu	560.801	628.889	68.088	112,14%
	- Doanh thu phát điện	560.781	628.789	68.008	112,13%
	- Doanh thu khác	20	100	80	-
2	Tổng chi phí	376.800	373.460	(3.340)	99,11%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	184.001	255.429	71.428	138,82%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	174.801	242.658	67.857	138,82%

Kế hoạch nhiệm vụ về công tác quản trị

- HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty;
- Xây dựng các quy chế hoạt động rõ ràng, minh bạch để thuận lợi cho việc điều hành và thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành;
- Đồng thời, tăng cường quản lý giám sát đối với hoạt động của Ban TGD, cán bộ quản lý trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty có hiệu quả;
- Chỉ đạo Ban Điều hành Công ty vận hành, sản xuất hiệu quả đối với các chỉ tiêu mà ĐHCĐ thường niên đề ra;
- Áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tốt được chấp nhận rộng rãi trên thế giới vào công tác quản trị công ty. Chú trọng đến trách nhiệm xã hội và môi trường, cân đối hài hòa với mục tiêu sản xuất. Nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng;
- Chăm lo phúc lợi cho người lao động chính là mục đích thiết thực nhất để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, việc gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích lâu dài của công ty cũng là cách thức hiệu quả giúp nâng cao giá trị của Công ty;
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp. Chú trọng công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.



PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	18/06/2020	-
2	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	22/06/2017	-
3	Ông Trần Thế Du	Thành viên độc lập HĐQT	23/05/2019	-
4	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	12/04/2012	-
5	Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên HĐQT	18/06/2020	-

Ông Huỳnh Minh Hải - Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 12/1987 - 09/1989: Tổ trưởng Tổ lắp đặt điện của BQLCTXD Nhà máy xay xát XK Hậu Giang
- Từ 10/1989 - 02/1991: Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy xay xát XK Hậu Giang
- Từ 03/1991 - 09/1991: Tổ trưởng bộ phận xay xát Nhà máy xay xát XK Hậu Giang
- Từ 10/1991 - 05/1992: Tổ trưởng bộ phận kỹ thuật Nhà máy xay xát XK Hậu Giang.
- Từ 06/1992 - 09/1994: CBKT phòng KHKT-VT Sở Điện lực Sóc Trăng
- Từ 09/1994 - 12/1996: Phó phòng KHKT-VT Sở Điện lực Sóc Trăng.
- Từ 12/1996 - 05/2008: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Sóc Trăng
- Từ 1998 - 2003: Bí Thư Chi bộ Cơ sở Điện lực Sóc Trăng
- Từ 2003 - 2019: Bí thư Đảng Ủy Điện lực Sóc Trăng
- Từ 2004 - 2021: Đại biểu HĐND tỉnh Sóc Trăng các khoá 7, 8 và 9 (Nhiệm kỳ 2004 - 2011; 2011 - 2016; 2016 - 2021)
- Từ 06/2008 - 09/2019: Giám đốc Công ty Điện lực Sóc Trăng
- Từ 09/2019 - 06/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam
- Từ 06/2020 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Trần Thế Du - Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 06/2010 - 06/2012: Công tác tại Phòng Kỹ thuật - Công ty Điện lực Bình Phú (Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh).
- Từ 07/2012 - 10/2014: Công tác tại Ban Quan hệ Quốc tế (Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh).
- Từ 11/2014 - 02/2019: Công tác tại Ban Quản lý Đầu tư (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).
- Từ 03/2019 - nay: Chuyên viên Ban Tổng hợp - Thư ký Chủ tịch Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Từ 05/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tổng hợp - Thư ký Chủ tịch Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0 vốn điều lệ

Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên độc lập HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện

Quá trình công tác:

- Từ 01/2008 - 12/2008 : Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ - Ủy viên Hội đồng quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN).
- Từ 01/2009 - 03/2011: Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Thác Mơ - Ủy viên Hội đồng quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN).
- Từ 11/2013 - 09/2015: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 03/2006 - nay: Giám đốc Kỹ thuật ngành điện - CTCP Cơ Điện lạnh (REE)
- Từ 06/2017 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Kỹ thuật ngành điện - CTCP Cơ Điện lạnh (REE)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Tấn Tài - Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1999 - 2007: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật sản xuất - Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam).
- Từ 2007 - 2009: Chuyên viên Văn phòng Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam) phụ trách công tác tổng hợp.
- Từ 2009 - 2010: Phó Chánh Văn phòng Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam) phụ trách mảng tổng hợp.
- Từ 2010 - 2017: Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty Điện lực Miền Nam phụ trách mảng tổng hợp.
- Từ 2018 - 2019: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Lưới điện trực thuộc Tổng công ty Điện lực Miền Nam.
- Từ 01/2020 - nay: Trưởng Ban Tổng hợp trực thuộc Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Từ 06/2020 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban Tổng hợp trực thuộc Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thịnh - Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Từ 1976 - 1981: Công tác tại Sở Công thương Sông Bé.
- Từ 1981 - 1998: Công tác tại Công ty Điện lực Đồng Nai.
- Từ 1998 - 2007: Trưởng phòng Quản lý xây dựng Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Từ 2007 - 2018: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- Từ 04/2012 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám Đốc Công ty CP Thủy điện Liên Gich

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 440.000 cổ phiếu, chiếm 0,44% vốn điều lệ

Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị đã làm đúng trách nhiệm, quyền hạn, cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành của Công ty để giám sát, triển khai thực hiện các chỉ tiêu và Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2021. Mọi đề xuất của HĐQT đều được cân nhắc cẩn trọng, tuân thủ pháp luật cũng như Quy chế nội bộ, quy định hoạt động đã ban hành trên cơ sở Điều lệ của SHP. Ngoài ra, HĐQT thường xuyên cập nhật những quy định mới của Luật Chứng Khoán hay Luật Doanh Nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời, đưa ra các quyết định phù hợp với luật hiện hành để giúp Công ty duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định, thích nghi với biến động của thị trường.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành

Trong năm 2021, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám Đốc như sau:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2020, Báo cáo tài chính các quý của năm 2021 và Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2021;
- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2020 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021;
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Chỉ đạo thực hiện công tác xử lý hút bùn cát khu vực cửa nhận nước nhà máy Đa M'Bri thuộc kế hoạch năm 2021 cũng như kế hoạch, giải pháp xử lý về lâu dài tình trạng bồi lắng khu vực cửa nhận nước nhà máy Đa M'Bri;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành;
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty;
- Chỉ đạo triển khai, chi trả tạm ứng cổ tức của năm 2020 bằng tiền mặt.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Huỳnh Minh Hải	9/9	100%
2	Ông Lê Tuấn Hải	9/9	100%
3	Ông Trần Thế Du	9/9	100%
4	Ông Nguyễn Văn Thịnh	9/9	100%
5	Ông Nguyễn Tấn Tài	9/9	100%

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 9 phiên họp trực tiếp và 19 lần tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Trong năm 2021, HĐQT đã đưa ra các nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/QĐ-SHP-HĐQT	5/1/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri.	80%
2	06/QĐ-SHP-HĐQT	18/1/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt quyết toán Quỹ lương năm 2020.	80%
3	10/QĐ-SHP-HĐQT	2/2/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri.	80%
4	15/QĐ-SHP-HĐQT	2/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua chủ trương áp dụng chế độ ATĐ trong năm 2020 trên cơ sở vận dụng và thực hiện theo Quy chế số 96/QĐ-EVN ngày 26/03/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Đề nghị BKS hỗ trợ rà soát, làm việc cùng với BDH Công ty về chi phí ATĐ chi trong năm 2020 theo chủ trương trên. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ xem xét, quyết định • Chỉ đạo BDH khẩn trương làm việc với Ngân hàng để vay bổ sung vốn lưu động và báo cáo lại HĐQT về giải pháp tín dụng để bổ sung vốn lưu động để HĐQT xem xét, quyết định. 	100%
5	20/NQ-SHP-HĐQT	7/4/2021	Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Chỉ đạo BDH về áp dụng chế độ an toàn vận hành điện năm 2020	100%
6	22/QĐ-SHP-HĐQT	13/4/2021	<p>HĐQT thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự và thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày đăng ký cuối cùng tham dự họp): 21/05/2021 • Ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021: 24/06/2021 	100%
7	23/NQ-SHP-HĐQT	13/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt quyết toán Quỹ an toàn vận hành điện năm 2020. - Thông qua tuyển dụng nhân sự. 	80%
8	26/BB-SHP-HĐQT	24/5/2021	Các thành viên HĐQT cho ý kiến về một số nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty để Thành viên HĐQT là người đại diện vốn báo cáo xin ý kiến của Chủ sở hữu vốn là Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.	100%
9	34/NQ-SHP-HĐQT	17/6/2021	Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 sang ngày 30/06/2021 do thực hiện giãn cách để phòng chống dịch COVID-19.	100%
10	37/NQ-SHP-HĐQT	28/6/2021	Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Tiếp tục thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 sang ngày 29/07/2021 do thực hiện giãn cách để phòng chống dịch COVID-19.	100%

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	44/NQ-SHP-HĐQT	20/7/2021	<p>Nghị quyết về hoãn họp ĐHCĐ 2021 (để CBTT):</p> <ul style="list-style-type: none"> Hoãn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam vào ngày 29/07/2021. Hủy ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: 21/05/2021. Công ty sẽ thông báo chốt lại danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và gửi thông báo mời họp đến quý cổ đông sau. 	100%
12	46/NQ-SHP-HĐQT	20/7/2021	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ 2021; Thông qua kế hoạch chi phí hoạt động năm 2021 và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông qua quỹ lương kế hoạch của TGD và NLD 2021; Về nâng lương cho nhân sự quản lý: BĐH lập lại tờ trình để trình HĐQT; Thông qua kế hoạch chọn đơn vị kiểm toán nội bộ năm 2021; Thông qua Dự thảo quy chế CBTT và Quy chế KTNB; Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2021; Thống nhất hoãn họp và hủy ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp 21/05/2021; BĐH rà soát và trình lại HĐQT về khoản vay bổ sung vốn lưu động. 	100% (riêng nội dung trình chia cổ tức năm 2020 8% bằng cổ phiếu chỉ thông qua với tỷ lệ 60%)
13	47/QĐ-SHP-HĐQT	20/7/2021	Quyết định của HĐQT phê duyệt kế hoạch chọn đơn vị kiểm toán nội bộ năm 2021. Ủy quyền cho CT.HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn kiểm toán nội bộ.	100%
14	49/QĐ-SHP-HĐQT	20/7/2021	Quyết định của HĐQT phê duyệt chi phí hoạt động năm 2021 và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.	100%
15	53/QĐ-SHP-HĐQT	31/7/2021	Quyết định của HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn kiểm toán nội bộ (CT.HĐQT ký ban hành QĐ theo ủy quyền của HĐQT)	100%

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	54A/QĐ-SHP-HĐQT	3/8/2021	<ul style="list-style-type: none"> Về phương án thiết kế, dự toán giai đoạn 1 xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước Đa M'Bri. Về nội dung tư vấn thiết kế xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước giai đoạn 2, Công trình nhà máy thủy điện ĐaM'bri Thông qua nâng lương cho một số nhân sự quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh, Kế toán trưởng Về gia hạn gói thầu hút bùn khu vực cửa nhận nước, công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri: Thông qua chủ trương để nhà thầu Tổng Công ty Xây Dựng Đường Thủy - CTCP tiếp tục thực hiện gói thầu này. Yêu cầu Ban điều hành lập lại tờ trình để HĐQT xem xét. Thống nhất không thực hiện thủ tục vay ngân hàng Standard Chartered 100 tỷ đồng theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại tờ trình số 459/TTr-SHP-TCKT ngày 01/8/2021. Về gia hạn hợp đồng vay ngân hàng Shinhan Bank: Ban điều hành lập lại tờ trình để Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Về xem xét tiến độ, kế hoạch đấu tranh bằng pháp lý để xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước Đa M'Bri: Yêu cầu Ban điều hành cập nhật các nội dung đã thực hiện liên quan (bao gồm đính kèm những biên bản làm việc, văn bản trao đổi với các cơ quan, chính quyền địa phương...) và kế hoạch triển khai cụ thể để báo cáo Hội đồng quản trị xem xét và đóng góp ý kiến. 	100%
17	54B/QĐ-SHP-HĐQT	3/8/2021	Quyết định của HĐQT nâng lương cho Phó TGD	100%
18	54C/QĐ-SHP-HĐQT	3/8/2021	Quyết định của HĐQT nâng lương cho Giám đốc CNLD	100%
19	54D/QĐ-SHP-HĐQT	3/8/2021	Quyết định của HĐQT nâng lương cho Kế toán trưởng	100%

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	58/NQ-SHP-HĐQT	18/8/2021	<ul style="list-style-type: none"> Về lãi suất chậm trả và tiền lãi chậm trả cổ tức 2019 cho Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam (EVN SPC): Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) là Người đại diện vốn của EVN SPC tại SHP sẽ xin ý kiến chủ sở hữu vốn về nội dung này và sau đó HĐQT sẽ xem xét quyết định. Ban điều hành (BDH) xem xét, cân đối tình hình tài chính để trả hết số cổ tức năm 2019 còn lại cho EVN SPC trong tháng 9/2021. Chỉ đạo BDH về nội dung liên quan kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu thi công kè tạm và gia cố mái, hạng mục xử lý bồi lắng lòng hồ Đa M'Bri. Chỉ đạo BDH trong công tác lập kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để có cơ sở làm việc với cơ quan có thẩm quyền, quản lý, chuyên môn của địa phương như Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng, UBND tỉnh Lâm Đồng để hỗ trợ cho việc xem xét xử lý việc khai thác cao lanh, xả thải trái phép tại khu vực đầu nguồn suối Đa M'ble gây ảnh hưởng, bồi lắng lòng hồ Đa M'Bri. Về tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021: Do đang trong thời gian thực hiện chỉ đạo của UBND Tp.HCM về tăng cường các biện pháp phòng chống dịch COVID-19, BDH nghiên cứu các hình thức thực hiện phù hợp quy định để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 trong trường hợp Tp.HCM được giảm/nới lỏng biện pháp phòng chống dịch hoặc tiếp tục duy trì hay tăng cường biện pháp phòng chống dịch như hiện nay để báo cáo HĐQT xem xét sau ngày 15/09/2021. 	100%
21	63/QĐ-SHP-HĐQT	30/8/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt mức lãi suất áp dụng và thanh toán tiền lãi chậm trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông EVN SPC	100%
22	65/QĐ-SHP-HĐQT	14/9/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt chế độ hỗ trợ cho người lao động trong phòng, chống dịch Covid - 19	100%
23	67/QĐ-SHP-HĐQT	18/9/2021	Quyết định của HĐQT về điều chỉnh mức tiền lương đóng BHXH, Y Tế, TN cho Chủ tịch HĐQT chuyên trách và TGD từ 01/01/2021 (căn cứ NQ số 46/NQ-SHP-HĐQT ngày 20/7/2021)	100%
24	68/QĐ-SHP-HĐQT	9/18/2021	Quyết định của HĐQT ban hành quy chế kiểm toán nội bộ (căn cứ NQ số 46/NQ-SHP-HĐQT ngày 20/7/2021)	100%
25	70/QĐ-SHP-HĐQT	22/9/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Hiệu chỉnh quy chế CBTT	100%
26	71/QĐ-SHP-HĐQT	23/9/2021	Quyết định của HĐQT ban hành quy chế CBTT	100%

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
27	72/QĐ-SHP-HĐQT	25/9/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Thống nhất gia hạn vay tại Ngân hàng Shinhan bổ sung vốn lưu động.	60%
28	75/QĐ-SHP-HĐQT	30/9/2021	Quyết định của HĐQT về chốt danh sách cổ đông để nhận quyền tạm ứng cổ tức năm 2021, quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 2021 và thời gian họp ĐHĐCĐ 2021 (để CBTT)	100%
29	76/NQ-SHP-HĐQT	30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ đạo BDH thực hiện một số công tác liên quan nội dung phương án thiết kế và khảo sát địa chất bổ sung, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu xử lý bồi lắng cửa nhận nước giai đoạn 1, công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri: Về Hệ thống điều khiển giám sát giai đoạn 2, nhà máy Đa Dâng 2: Thống nhất về chủ trương Công ty sẽ thực hiện thay thế Hệ thống điều khiển giám sát (DCS) giai đoạn 2, nhà máy Đa Dâng 2. Yêu cầu Ban điều hành cần lập bổ sung một số nội dung trình HĐQT xem xét. Chỉ đạo BDH bổ sung một số nội dung liên quan việc gia hạn gói thầu hút bùn Đa M'Bri để HĐQT xem xét. Về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức năm 2020, quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ 2021) và thời gian họp ĐHĐCĐ 2021 của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam Ban điều hành tiếp tục xem xét, rà soát danh mục sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trang bị và đầu tư 03 nhà máy theo tiêu chí ưu tiên cho vận hành an toàn, ổn định của các nhà máy và hiệu quả mang lại; kết hợp lập kế hoạch tài chính tại mỗi thời kỳ để cân đối, đánh giá khả năng thực hiện phù hợp với tình hình tài chính của Công ty và trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định. 	
30	78/NQ-SHP-HĐQT	8/10/2021	Nghị quyết của HĐQT về gia hạn vay ngân hàng Shinhan (theo mẫu của Ngân hàng Shinhan)	60%

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
31	81/QĐ-SHP-HĐQT	26/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt hạng mục thay thế hệ thống điều khiển nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 Cho phép Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện hạng mục thay thế hệ thống điều khiển nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 - giai đoạn 2 thuộc kế hoạch năm 2022. HĐQT ủy quyền cho ông Lê Tuấn Hải tham gia, hỗ trợ cùng Ban điều hành Công ty trong quá trình triển khai thực hiện công tác lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập hồ sơ mời thầu, xét thầu ... cho hạng mục thay thế hệ thống điều khiển nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 - giai đoạn 2, giai đoạn 3 và trình HĐQT phê duyệt theo thủ tục quy định. Về gia hạn gói thầu hút bùn Đa M'Bri: + Thống nhất gia hạn gói thầu hút bùn Đa M'Bri + Yêu cầu Ban điều hành phải hoàn thiện một số nội dung liên quan. Đối với khối lượng bổ sung, phát sinh thêm ngoài khối lượng theo hợp đồng đã ký: + Ban điều hành lập lại tờ trình để HĐQT xem xét phê duyệt + HĐQT ủy quyền cho các ông Huỳnh Minh Hải, Nguyễn Văn Thịnh và Trần Thế Du hỗ trợ, cùng làm việc với Ban điều hành về các nội dung nêu trên trước khi trình HĐQT xem xét quyết định. Cho phép Ban điều hành Công ty triển khai hạng mục hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhà máy thủy điện Đa siat và nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 thuộc kế hoạch 2022. Về kế hoạch năm 2022: Về kế hoạch sản lượng năm 2022: Thống nhất tính sản lượng kế hoạch năm 2022 theo phương án bình quân sản lượng thực hiện nhiều năm của các nhà máy. Về kế hoạch doanh thu năm 2022: Thống nhất tính doanh thu kế hoạch năm 2022 theo phương án giá bán điện bình quân thực hiện năm 2021 đối với các nhà máy. Chỉ đạo Ban điều hành khẩn trương chuẩn bị sớm cho chuyển công tác của HĐQT tại các nhà máy, để xem xét các hạng mục được nêu trong kế hoạch chi phí 2022. 	
32	92/QĐ-SHP-HĐQT	9/11/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Bổ nhiệm ông Đào Hoàng Dũng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 15/11/2021. Thời gian bổ nhiệm 05 năm.	60%
33	98/NQ-SHP-HĐQT	17/11/2021	<p>Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản):</p> <ul style="list-style-type: none"> Thông qua Dự thảo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020; Thông qua giải quyết chế độ hưu trí cho Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Vĩnh Châu. 	60%

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
34	99/QĐ-SHP-HĐQT	17/11/2021	Quyết định của HĐQT về việc giải quyết chế độ hưu trí cho Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Vĩnh Châu (để gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội)	100%
35	101/NQ-SHP-HĐQT	18/11/2021	<p>Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản):</p> <ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. hạng mục "Thay thế Hệ thống DCS nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 năm 2022"; Phê duyệt phương án thương thảo giảm giá cho phần khối lượng giao bổ sung trong năm 2022 thuộc gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri; Chỉ đạo trong việc chọn đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn thiết kế, lập phương án chuyển nước, bùn cát từ suối ĐamBle sang hồ chính Đa M'Bri. 	60%
36	102/QĐ-SHP-HĐQT	18/11/2021	Quyết định của HĐQT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. hạng mục "Thay thế Hệ thống DCS nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 năm 2022" (để đăng thông tin đấu thầu)	60%
37	104/QĐ-SHP-HĐQT	22/11/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Thông qua danh sách ứng viên để trình Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2017 - 2022 và phân công trong công tác điều hành Đại hội.	100%
38	107/QĐ-SHP-HĐQT	29/11/2021	Quyết định của HĐQT ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (ban hành căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông).	
39	108/QĐ-SHP-HĐQT	29/11/2021	Quyết định của HĐQT ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty (ban hành căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông).	
40	109/QĐ-SHP-HĐQT	29/11/2021	Quyết định của HĐQT ban hành quy chế hoạt động của HĐQT (ban hành căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông)	
41	112/QĐ-SHP-HĐQT	13/12/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu "Cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021" và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trong trường hợp thương thảo với nhà thầu thành công.	100%
42	113/QĐ-SHP-HĐQT	16/12/2021	Quyết định của Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu "Cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021" (thực hiện theo ủy quyền của HĐQT)	
43	116/QĐ-SHP-HĐQT	27/12/2021	Quyết định của HĐQT về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (ban hành căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông để bổ sung hồ sơ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)	
44	117/QĐ-SHP-HĐQT	27/12/2021	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt kết quả thương thảo giảm giá và các nội dung liên quan đến việc giao khối lượng bổ sung thực hiện trong năm 2022 thuộc gói thầu "Xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, Công trình Nhà máy thủy điện Đa M'Bri"	60%

BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS	22/6/2017	-
2	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	28/4/2016	25/11/2021
3	Bà Nguyễn Thị Thu Huệ	Thành viên BKS	23/5/2019	-
4	Ông Mai Quang Trung	Thành viên BKS	25/11/2021	-

Ông Võ Thái - Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2008 - 2011 : Kế toán trưởng CTCP Khoáng sản Bằng Hữu.
- Từ 2012 - 2013: Kế toán trưởng CTCP Năng lượng tái tạo DVA.
- Từ 2014 - nay: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia.
- Từ 06/2017 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Mai Quang Trung - Kiểm soát viên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 10/2009 - 06/2011: Chuyên viên kế toán Điện lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.
- Từ 07/2011 - 01/2019: Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.
- Từ 02/2019 - nay: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Từ 11/2021 - Nay: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kiểm soát viên

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm soát viên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 10/1990 - 11/1997: Kế toán công nợ Xí nghiệp Vật tư vận tải thuộc Công ty Điện lực 2.
- Từ 12/1997 - 08/2007: Kế toán Đầu tư XD CB - Cơ quan Công ty Điện lực 2.
- Từ 08/2007 - 09/2015: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực.
- Từ 09/2015 - 02/2016: Kế toán tổng hợp tại Trung tâm Chăm sóc Khách hàng của EVN SPC
- Từ 03/2016 - nay: Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính của EVN SPC.
- Từ 05/2019 - nay: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kiểm soát viên

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính của EVN SPC.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2021

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc về việc triển khai, thực hiện đánh giá các hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết quả giám sát được thực hiện với nội dung như sau:

- Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021;
- Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch, nâng cao hiệu quả SXKD;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về các công tác như:

- Tổng kết hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch năm 2021;
- Chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;
- Xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Xem xét nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị.

Các hoạt động khác

- Xem xét Báo cáo Tài chính năm 2020 và thực hiện báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 trình Đại hội cổ đông thường niên 2021. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua.
- Xem xét báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III của năm 2021, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2021 và số liệu ước tính kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2021;
- Xem xét, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cổ đông, nhóm cổ đông có tỉ lệ sở hữu như quy định của Điều lệ công ty về các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành và liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư hay phản ánh nào của cổ đông, nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá của Ban kiểm soát

Thông qua quá trình giám sát, BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành SHP. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của các bên. Các Nghị quyết của HĐQT đều bám sát thực tiễn, tình hình thực tế của thị trường để đảm bảo Ban Điều hành có thể đáp ứng theo yêu cầu và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh đó, các cuộc họp HĐQT được tổ chức thường niên đều có sự tham gia của BKS và Ban Tổng Giám đốc nhằm giải quyết các vấn đề khúc mắc trong hoạt động kinh doanh cũng như thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng Thu nhập
Hội đồng quản trị			
1	Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	623.154.919
2	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	99.360.000
3	Ông Trần Thế Du	Thành viên HĐQT	99.360.000
4	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	99.360.000
5	Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên HĐQT	99.360.000
Ban kiểm soát			
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS	99.360.000
2	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	55.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Huệ	Thành viên BKS	60.000.000
4	Ông Mai Quang Trung	Thành viên BKS	5.000.000
Ban điều hành			
1	Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	561.600.000
2	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	616.520.892
3	Ông Đào Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	74.469.045

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thanh Hải	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty	2000	0,00%	200	0,00%	Bán

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	Cổ đông lớn	0300942001-07/04/2010- Sở KH&ĐT Tp.HCM	72 Hai Bà Trưng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	30/8/2021	1.135.201.205	Thanh toán tiền lãi chậm trả cổ tức 2019

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

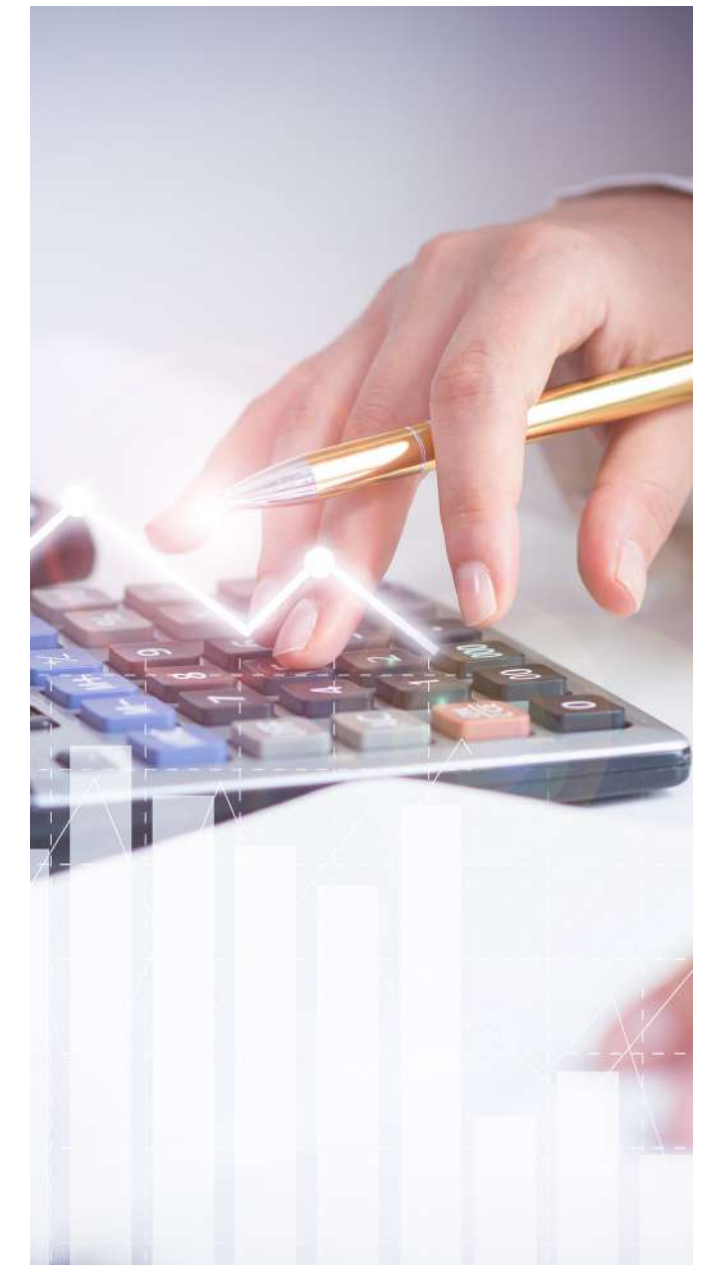
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Năm 2021, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) đã nỗ lực vận hành quản trị công ty theo các nguyên tắc, quy định đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết; tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHĐCĐ đúng quy trình.

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành.

Mọi hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác đều được báo cáo đầy đủ, tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của SHP, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ngoài ra, vấn đề quản trị Công ty còn được ban lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm, tạo điều kiện cho các thành viên trong ban điều hành được tham gia các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty. Đây sẽ là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển kinh doanh hiệu quả, giảm chi phí vốn cũng như tạo niềm tin cho các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút khách hàng tiềm năng trong tương lai.





PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN 2021

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2021

Deloitte.



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0348 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Deloitte.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 22 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 16 tháng 3 năm 2022
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tôn Thất Tiến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4326-2018-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		292.301.012.316	128.519.733.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	152.634.773.926	14.135.318.226
1. Tiền	111		52.634.773.926	14.135.318.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.351.372.952	110.685.849.483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	130.466.632.468	109.673.409.433
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.029.721.441	992.578.081
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.162.381.243	327.224.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(307.362.200)	(307.362.200)
III. Hàng tồn kho	140		6.051.784.636	3.541.007.673
1. Hàng tồn kho	141	9	6.051.784.636	3.541.007.673
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		263.080.802	157.557.902
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	263.080.802	157.557.902
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.540.212.507.176	1.696.576.309.343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	634.695.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	634.695.000
II. Tài sản cố định	220		1.538.407.263.888	1.693.778.319.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.535.570.380.623	1.690.955.513.579
- Nguyên giá	222		3.108.594.192.679	3.107.620.580.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.573.023.812.056)	(1.416.665.067.420)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.836.883.265	2.822.805.514
- Nguyên giá	228		3.315.309.947	3.235.309.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(478.426.682)	(412.504.433)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		668.780.000	252.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	668.780.000	252.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.136.463.288	1.911.295.250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.136.463.288	1.911.295.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.832.513.519.492	1.825.096.042.627

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		495.848.732.247	704.246.521.347
I. Nợ ngắn hạn	310		256.848.732.247	323.199.521.347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.656.177.030	1.621.759.810
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	37.278.495.249	21.405.273.437
3. Phải trả người lao động	314		15.171.001.641	3.559.174.673
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.481.245.643	3.929.974.806
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.407.588.222	64.598.571.000
6. Vay ngắn hạn	320	18	178.471.217.338	223.302.860.497
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.383.007.124	4.781.907.124
II. Nợ dài hạn	330		239.000.000.000	381.047.000.000
1. Vay dài hạn	338	19	239.000.000.000	381.047.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.336.664.787.245	1.120.849.521.280
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.336.664.787.245	1.120.849.521.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.330.913.498	28.330.913.498
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		371.231.873.747	155.416.607.782
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		106.098.507.782	91.998.920.820
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		265.133.365.965	63.417.686.962
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.832.513.519.492	1.825.096.042.627


Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu


Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng




Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

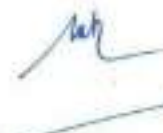
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01			657.816.352.379	429.384.136.428
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	22		657.816.352.379	429.384.136.428
3. Giá vốn hàng bán	11	23		307.564.259.426	287.868.924.643
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20			350.252.092.953	141.515.211.785
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25		196.860.795	3.227.227.679
6. Chi phí tài chính	22	26		41.932.172.992	57.313.114.653
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			41.932.172.992	57.311.431.153
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27		29.601.841.050	21.013.432.427
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30			278.914.939.706	66.415.892.384
9. Thu nhập khác	31			311.681.818	397.085.509
10. Chi phí khác	32			50.000.000	3.182.273
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			261.681.818	393.903.236
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50			279.176.621.524	66.809.795.620
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28		14.043.255.559	3.392.108.658
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60			265.133.365.965	63.417.686.962
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29		2.746	650
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29		2.543	602



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Thặng Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	279.176.621.524	66.809.795.620
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	156.424.666.885	173.261.601.082
Chi phí lãi vay	06	41.932.172.992	57.311.431.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	477.533.461.401	297.382.827.855
Thay đổi các khoản phải thu	09	(22.030.828.469)	7.106.263.090
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.336.600.190)	991.806.071
Thay đổi các khoản phải trả	11	26.811.169.396	1.887.509.570
Thay đổi chi phí trả trước	12	669.309.062	565.446.374
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.473.661.565)	(57.697.541.974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.032.205.752)	(4.403.299.107)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.861.900.000)	(8.154.300.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	421.278.743.883	237.678.711.379
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(956.786.324)	(1.454.660.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(956.786.324)	(1.454.660.638)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.579.257.822	37.146.860.497
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(251.457.900.981)	(212.156.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(94.943.858.700)	(139.704.417.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(281.822.501.859)	(314.713.557.403)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	138.499.455.700	(78.489.506.662)
Tiền đầu năm	60	14.135.318.226	92.624.824.888
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	152.634.773.926	14.135.318.226



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng



Thặng Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 7 năm 2014 với mã chứng khoán là SHP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 117 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 119 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở), đào tạo nghề, bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện. Công ty đang sở hữu và vận hành nhà máy thủy điện Đa M'brì, công suất lắp máy là 75 MW (2 tổ máy), nhà máy thủy điện Đa Dáng 2 (2 tổ máy), công suất lắp máy là 34 MW và nhà máy thủy điện Đa Siat, công suất lắp máy là 13,5 MW (2 tổ máy).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác và được trình bày lại như Thuyết minh số 33.

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm hoạt động

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới ("Covid-19") đã và đang ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ những diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đến hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán Điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	134.072.815	273.940.863
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.500.701.111	13.861.377.363
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	-
	152.634.773.926	14.135.318.226

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 1 tháng với lãi suất được hưởng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu từ bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	130.466.632.468	109.673.409.433
	130.466.632.468	109.673.409.433

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho bên thứ ba		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Thái Hưng Thịnh	196.447.060	196.447.060
Ban Đền bù Giải phóng Mặt bằng Huyện Bào Lâm	330.955.900	330.955.900
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy – CTCP	1.120.427.457	-
Khác	89.920.500	173.204.597
b. Trả trước cho bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	291.970.524	291.970.524
	2.029.721.441	992.578.081

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu hộ thuế thu nhập cá nhân	120.779.420	19.861.969
Tạm ứng cho nhân viên	36.421.335	-
Chi hộ kinh phí đền bù	307.362.200	307.362.200
Đặt cọc tiền thuê nhà	634.695.000	-
Lãi tiền gửi	63.123.288	-
	1.162.381.243	327.224.169
b. Dài hạn		
Đặt cọc tiền thuê nhà	-	634.695.000

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện dự phòng cho các khoản công nợ phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng chi dự tiền đền bù này.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có hàng tồn kho nào suy giảm giá trị thuần có thể thực hiện cần lập dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	180.182.644	78.250.281
Khác	82.898.158	79.307.621
	263.080.802	157.557.902
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	430.890.844	465.688.184
Chi phí sửa chữa lớn (i)	675.890.535	1.408.779.131
Khác	29.681.909	36.827.935
	1.136.463.288	1.911.295.250

(i) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện:

- Chi phí sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, nhà máy thủy điện Đa siat và nhà máy thủy điện Đa M'brì đã hoàn thành và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.397.831.233.964	703.631.469.027	5.229.405.058	928.472.950	3.107.620.580.999
Chuyển từ xây dựng cơ bản	250.918.896	-	-	-	250.918.896
Mua trong năm	271.252.566	451.440.218	-	-	722.692.784
Số dư cuối năm	2.398.353.405.426	704.082.909.245	5.229.405.058	928.472.950	3.108.594.192.679
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	857.148.984.534	553.859.855.926	4.879.781.686	776.445.274	1.416.665.067.420
Khấu hao trong năm	108.991.163.931	47.181.279.926	124.901.159	61.399.620	156.358.744.636
Số dư cuối năm	966.140.148.465	601.041.135.852	5.004.682.845	837.844.894	1.573.023.812.056
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.540.682.249.430	149.771.613.101	349.623.372	152.027.676	1.690.955.513.579
Tại ngày cuối năm	1.432.213.256.961	103.041.773.393	224.722.213	90.628.056	1.535.570.380.623

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm các nhà máy, máy móc và thiết bị tại các nhà máy Đasiat và Đambri với tổng giá trị còn lại là 1.371.912.121.327 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.516.449.804.643 đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 275.677.258.815 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 274.101.420.019 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.719.863.637	515.446.310	3.235.309.947
Tăng trong năm	-	80.000.000	80.000.000
Số dư cuối năm	2.719.863.637	595.446.310	3.315.309.947
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	412.504.433	412.504.433
Khấu hao trong năm	-	65.922.249	65.922.249
Số dư cuối năm	-	478.426.682	478.426.682
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.719.863.637	102.941.877	2.822.805.514
Tại ngày cuối năm	2.719.863.637	117.019.628	2.836.883.265

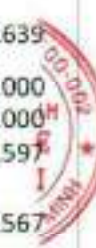
Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 319.400.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 319.400.000 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn của Nhà máy thủy điện Đa Dăng	668.780.000	252.000.000
	668.780.000	252.000.000

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả cho bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Việt Oanh	186.073.434	93.828.639
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	216.106.370	153.967.000
Công ty TNHH XD và TM Điện Năng	501.057.903	97.974.597
Công ty TNHH Siemens	297.000.000	-
Khác	941.605.794	767.855.567
b. Phải trả cho bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	414.333.529	408.134.007
	2.656.177.030	1.621.759.810



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	240.000.000.000	330.000.000.000
- Vay dài hạn	150.000.000.000	240.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng (ii)	40.203.000.000	88.203.000.000
- Vay dài hạn	-	40.203.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	40.203.000.000	48.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (iii)	119.000.000.000	149.000.000.000
- Vay dài hạn	89.000.000.000	100.844.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	48.156.000.000
Tổng vay dài hạn	239.000.000.000	381.047.000.000
Tổng vay dài hạn đến hạn trả	160.203.000.000	186.156.000.000
	399.203.000.000	567.203.000.000

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần và được điều chỉnh lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ do ngân hàng công bố cộng (+) 2,5%/năm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02-0028/ĐTDA/14CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư thủy điện Đambri công suất 75MW. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay (Thuyết minh số 11). Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 8%/năm.

(ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay (Thuyết minh số 11). Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6,9%/năm.

(iii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số BC/SHBVN/HDTD/SHP/201807 ngày 26 tháng 7 năm 2018, hạn mức tín dụng là 230 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 7 năm, áp dụng lãi suất 7,5% trong 3 năm đầu tiên. Hết thời hạn cố định lãi suất, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, theo từng kỳ hạn trả lãi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đasiat tại tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE970398 cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 16 tháng 01 năm 2012 (Thuyết minh số 11). Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	160.203.000.000	186.156.000.000
Trong năm thứ hai	120.000.000.000	142.047.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	119.000.000.000	239.000.000.000
	399.203.000.000	567.203.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 18)	(160.203.000.000)	(186.156.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	239.000.000.000	381.047.000.000

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	937.102.000.000	28.330.913.498	287.919.320.820	1.253.352.234.318
Lợi nhuận trong năm	-	-	63.417.686.962	63.417.686.962
Công bố cổ tức trong năm	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư đầu năm nay	937.102.000.000	28.330.913.498	155.416.607.782	1.120.849.521.280
Lợi nhuận trong năm	-	-	265.133.365.965	265.133.365.965
Công bố cổ tức trong năm (*)	-	-	(46.855.100.000)	(46.855.100.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(2.463.000.000)	(2.463.000.000)
Số dư cuối năm nay	937.102.000.000	28.330.913.498	371.231.873.747	1.336.664.787.245

Theo Nghị quyết số 106/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và lợi nhuận lũy kế các năm trước như sau:

- Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là: 2.463.000.000 đồng;
- Chia cổ tức với tỷ lệ 5% tiền mặt và 8% bằng cổ phiếu trên mệnh giá cổ phần, tương ứng với số tiền 121.823.260.000 đồng.

Công ty đã thực hiện chi trả 5% cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 29 tháng 11 năm 2021 và 8% cổ tức chia bằng cổ phiếu ngày 25 tháng 02 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật liệu, công cụ	4.013.776.250	5.944.175.384
Chi phí nhân công	56.421.113.956	35.937.399.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.424.666.885	173.261.601.082
Chi phí thuế tài nguyên	60.367.504.857	40.477.973.187
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.984.381.000	15.631.578.756
Phí dịch vụ môi trường rừng	23.312.417.400	6.872.397.000
Chi phí khác	29.642.240.128	30.757.231.698
	337.166.100.476	308.882.357.070

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	196.035.795	3.227.227.679
Lãi chênh lệch tỷ giá	825.000	-
	196.860.795	3.227.227.679

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	41.932.172.992	57.311.431.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.683.500
	41.932.172.992	57.313.114.653

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	20.084.097.050	12.469.568.497
Chi phí thuê văn phòng	2.440.649.419	2.396.782.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.892.462	467.227.185
Khác	6.634.202.119	5.679.854.231
	29.601.841.050	21.013.432.427

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	279.176.621.524	66.809.795.620
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: các chi phí không được khấu trừ</i>	1.629.063.412	925.257.594
Thu nhập tính thuế	280.805.684.936	67.735.053.214
<i>Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất doanh nghiệp 5%</i>	280.785.876.184	67.699.346.565
<i>Thu nhập tính thuế suất thông thường 20%</i>	19.808.752	35.706.649
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.043.255.559	3.392.108.658

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, hai nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đa Siat, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2010, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2013, từ năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hai dự án. Riêng nhà máy thủy điện Đambri, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2014, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2017, từ năm 2021 là năm thứ tư nhà máy này được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	265.133.365.965	63.417.686.962
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(7.807.000.000)	(2.463.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	257.326.365.965	60.954.686.962
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	93.710.200	93.710.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.746	650

(*) Đây là khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với giá trị là 7.807.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 106/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại (giảm)/ tăng	Số sau trình bày lại
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	60.690.726.423	263.960.539	60.954.686.962
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.726.960.539)	(263.960.539)	(2.463.000.000)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	648	2	650

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thực hiện chi trả 8% cổ tức chia bằng cổ phiếu ngày 25 tháng 02 năm 2022. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	257.326.365.965	60.954.686.962
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	-	-
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	257.326.365.965	60.954.686.962

Số cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	93.710.200	93.710.200
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	7.496.152	7.496.152
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	101.206.352	101.206.352

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu sở hữu cổ phiếu phổ thông	257.326.365.965	60.954.686.962
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	101.206.352	101.206.352
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.543	602

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.440.649.419	2.396.782.514

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ 1 năm trở xuống	1.163.607.500	2.538.780.000
Từ 2 năm đến 5 năm	-	1.163.607.500
Sau năm năm	9.038.900.215	9.032.317.902
	10.202.507.715	12.734.705.402

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất tại Tỉnh Lâm Đồng và thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

- Theo Quyết định số 5249/QĐ-CT ngày 9 tháng 12 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 9 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Đức Trọng xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dăng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 với diện tích đất thuê là 511.359 m².
- Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Bảo Lâm xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat và công trình nhà máy thủy điện Đambri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 với tổng diện tích đất thuê được miễn là 2.612.029 m² và từ ngày 28 tháng 12 năm 2007 với diện tích đất thuê là 539.300 m².
- Theo Quyết định số 4553/QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Đa Huoai xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đambri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 28 tháng 12 năm 2007 với diện tích đất thuê được miễn là 1.599.900 m² và từ ngày 10 tháng 5 năm 2012 với diện tích đất thuê là 3.036,04 m².
- Theo Quyết định số 4754/QĐ-CT ngày 6 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 9 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Lâm Hà xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dăng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 với diện tích đất thuê là 84.562 m².
- Theo Quyết định số 4875/QĐ-CT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian 15 đối với diện tích đất thuê tại huyện Bảo Lâm xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đambri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 16 tháng 9 năm 2013 với diện tích đất thuê được miễn là 518.000 m².
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 425 m², đáo hạn vào ngày 14 tháng 6 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	Cổ đông lớn
Công ty Mua Bán Điện	Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN"), công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn EVN, công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Công ty Điện lực Đắk Nông	Công ty thuộc Tập đoàn EVN, công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Công ty cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	Công ty cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện	573.854.325.207	352.987.730.612
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	83.962.027.172	76.396.405.816
Mua hàng		
Công ty Điện lực Đắk Nông	162.000.000	162.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	53.480.000	53.480.000
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung	36.817.467	59.806.224
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	163.627.328	122.591.399
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	207.939.516	207.939.516
	623.864.311	605.817.139
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	68.676.537.000	45.784.358.000
Công Ty TNHH Năng Lượng REE	5.194.745.000	20.778.980.000
Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity	2.390.360.000	9.161.440.000
Các cổ đông khác	18.682.216.700	63.979.639.900
	94.943.858.700	139.704.417.900

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	226.811.002
Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	623.154.919	585.979.185
Lê Tuấn Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	99.360.000	196.087.000
Trần Thế Du	Thành viên Hội đồng Quản trị	99.360.000	164.384.000
Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên Hội đồng Quản trị	99.360.000	196.087.000
Nguyễn Tấn Tài	Thành viên Hội đồng Quản trị	99.360.000	60.000.000
Nguyễn Văn Danh	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	136.087.000
Lê Xuân Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	31.703.000
Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	561.600.000	747.804.000
Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	616.520.892	559.412.051
Đào Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	74.469.045	-
		2.273.184.856	2.904.354.238

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)		
Công ty Mua bán Điện	120.902.838.241	101.802.216.100
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.563.794.227	7.871.193.333
	130.466.632.468	109.673.409.433
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	291.970.524	291.970.524
	291.970.524	291.970.524
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)		
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	228.733.468	228.733.468
Công ty Điện lực Đắk Nông	44.550.000	44.550.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	141.050.061	134.850.539
	414.333.529	408.134.007
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 17)		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	45.784.358.000
Các cổ đông khác	16.354.395.000	18.658.795.700
	16.354.395.000	64.443.153.700

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 778.033.025 đồng là chi phí lãi vay phát sinh trong năm chưa được thanh toán (năm 2020: 1.319.521.598 đồng) và bao gồm số tiền 1.319.521.598 đồng là chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2020 đã thanh toán trong năm nay (năm 2019: 1.705.632.419 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tiền cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 16.354.395.000 đồng là cổ tức công bố phát sinh từ các năm trước chưa được thanh toán (năm 2020: 64.443.153.700 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

33. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, để điều chỉnh dòng tiền thu vào từ lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng sang dòng tiền hoạt động thay vì dòng tiền đầu tư như đã trình bày.

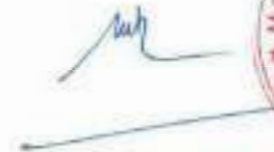
Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Mã	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.227.227.679)	3.227.227.679	-
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.095.961.720	10.301.370	7.106.263.090
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	3.237.529.049	(3.237.529.049)	-

Thay đổi của chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được trình bày tại Thuyết minh số 29.



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu



Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

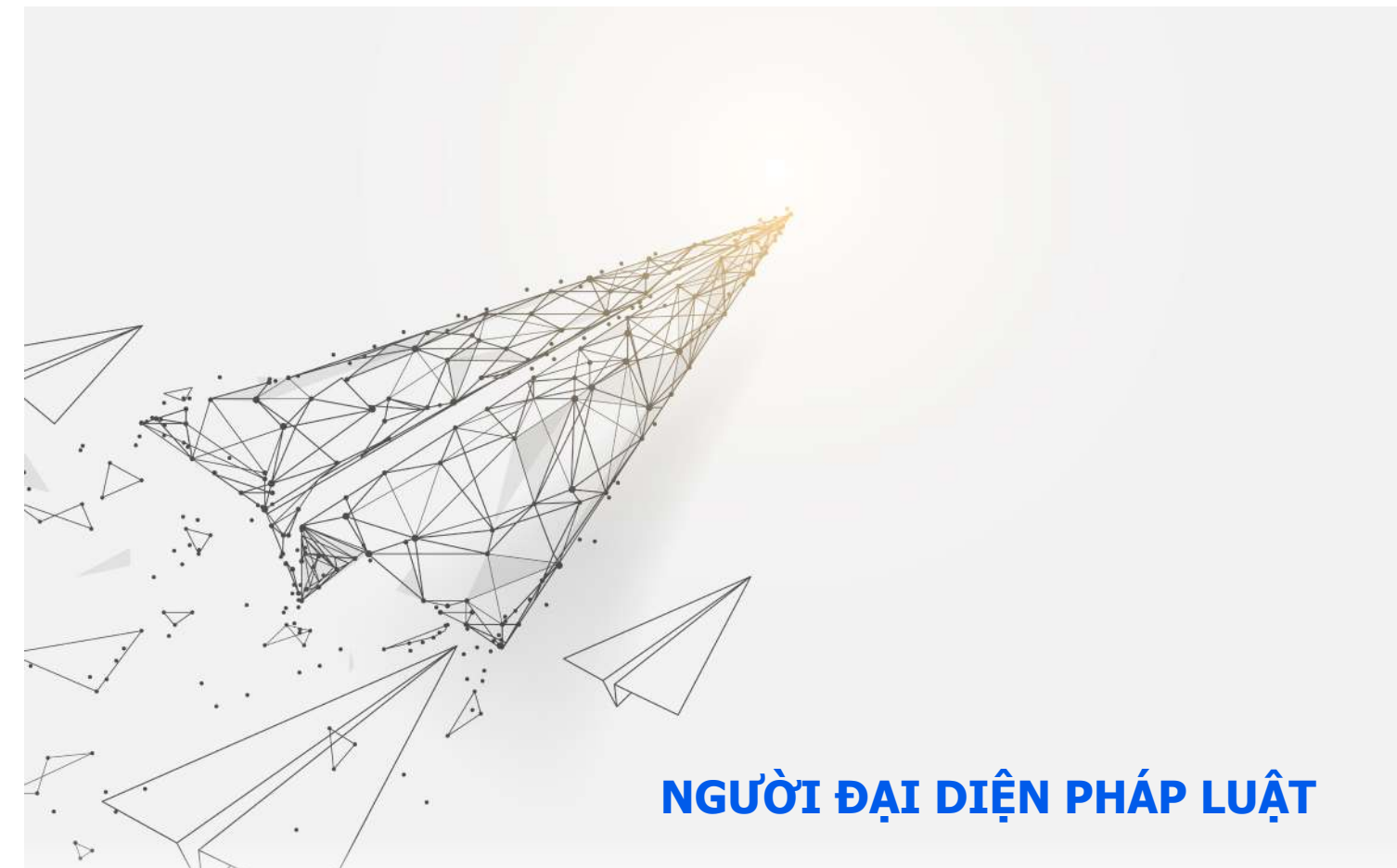


Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO 2021 THƯỜNG NIÊN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 05 tháng 04 năm 2022



NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Huỳnh Minh Hải